

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

(Giấy CN ĐKKD số 1203000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 06/05/2004)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: . . ./ĐKGD do..... cấp ngày . . . tháng. . . năm 2010)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

- **Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2)**

Trụ sở chính: Số 100 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Văn phòng tại Hà Nội: P.304, Toà nhà thời trang Vinaconex, Khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 2224 9237

Fax: (84-4) 2224 9238

- **Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SMES)**

Địa chỉ: 39 A Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 2220 5678

Fax: (84-4) 2220 5680

- **Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Ông Lưu Chấn Hưng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: (84-4) 2224 9237

Fax: (84-4) 2224 9238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

(Giấy CN ĐKKD số 1203000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 06/05/2004)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 VND

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 13.200.627 cổ phiếu

Tổng giá trị đăng ký giao dịch: 132.006.270.000 VND

Tổ chức đăng ký giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2 (NEDI2)

- Trụ sở chính: số 100 đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: (84-20) 38 22759 Fax: (84-20) 38 23084
- Email: nedi2@nedi2.com.vn / nedi2_hn@yahoo.com
- VP tại Hà Nội: P.304, Toà nhà thời trang Vinaconex, Khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 2224 9237 Fax: (84-4) 2224 9238

Tổ chức Kiểm toán: CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

- Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Sông Đà, 165 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Tel: (84-4) 6267 0491 Fax: (84-4) 6267 0494
- Email: vae_co@viettel.com.vn

Tổ chức Tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SME (SMES)

- Địa chỉ: Số 39A Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Tel: (84-4) 2220 5678 Fax: (84-4) 2220 5680
- Website: www.smes.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1.	Rủi ro về kinh tế	4
2.	Rủi ro về luật pháp	7
3.	Rủi ro đặc thù	7
3.1.	Rủi ro thời tiết và lưu lượng nước Ngòi Phát.....	7
3.2.	Rủi ro thị trường	7
3.3.	Phương pháp hạch toán theo tiến độ dự án đầu tư.....	8
3.4.	Rủi ro tín dụng.....	8
3.5.	Rủi ro chi phí đầu tư xây dựng dự án tăng	8
3.6.	Rủi ro đảm bảo vốn tự có tối thiểu	9
3.7.	Rủi ro cam kết chất lượng và tiến độ thực hiện.....	9
4.	Rủi ro khác	9
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	10
1.	Tổ chức đăng ký giao dịch	10
2.	Tổ chức tư vấn.....	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	13
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty.....	17
3.	Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần của công ty, cơ cấu cổ đông của công ty.....	23
4.	Danh sách công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	23
5.	Hoạt động kinh doanh	24
5.1.	Giới thiệu về các dự án do Công ty làm chủ đầu tư	24
5.2.	Tình hình kiểm tra chất lượng công trình.....	37
5.3.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký sáng chế và bản quyền	37
5.4.	Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện	38
6.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	39
7.	Vị thế của công ty trong cùng ngành.....	44
8.	Chính sách đối với người lao động.....	46
9.	Chính sách cổ tức	48
10.	Tình hình hoạt động tài chính của NEDI 2.....	48
	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 đang trong quá trình đầu tư nguồn vốn xây dựng 2 dự án (Công trình thủy điện Ngòi Phát và Khu đô thị Thương mại Thủy Hoa), thời gian đầu tư từ 2007 - 2010, nên chưa phát sinh Doanh thu và Lợi nhuận. Do vậy, chỉ tiêu về năng lực hoạt động và chỉ tiêu khả năng sinh lời chưa tính được.	51
11.	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng	52
12.	Tài sản	63
13.	Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức	64

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của tổ chức đăng ký giao dịch	70
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty	70
V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	71
1. Loại chứng khoán	71
2. Mệnh giá chứng khoán	71
3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch	71
4. Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	71
5. Phương pháp tính giá cổ phiếu	71
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	71
7. Các loại thuế có liên quan	72
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	73
VII. CÁC PHỤ LỤC (Đính kèm)	73

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2), một công ty thành viên thuộc Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX), là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng các dự án phát triển năng lượng và bất động sản. Hiện nay, các dự án đầu tư của Công ty NEDI2 tập trung tại tỉnh Lào Cai, bao gồm dự án Thủy điện Ngòi Phát và dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty NEDI2 chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

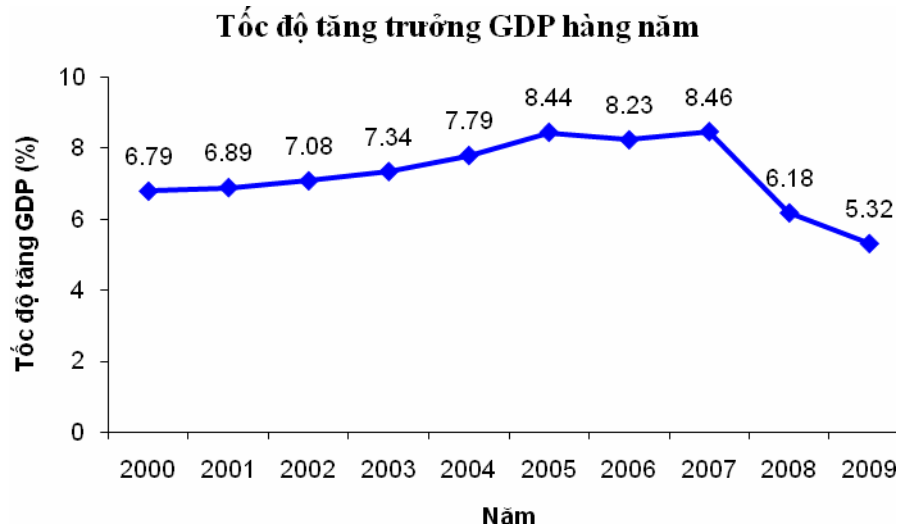
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô chính cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Tỷ lệ lạm phát và lãi suất tăng cao cùng với sự biến động lớn của tỷ giá cũng ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Với đặc thù là công ty chuyên cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến điện, thủy điện bất động sản lại đang trong quá trình đầu tư xây dựng, hoạt động đầu tư của Công ty NEDI2 đã, đang và sẽ luôn chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng năng lượng (điện) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh nhu cầu về bất động sản, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần tiêu thụ cho Công ty khi dự án đầu tư của Công ty đi vào khai thác. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, từ đó sẽ tác động đến hoạt động đầu tư và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Năm 2008 và những tháng đầu năm 2009, kinh tế Việt Nam liên tục gặp phải nhiều khó khăn, thách thức dưới ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, tuy nhiên về cuối năm tình hình kinh tế trong nước đã có những chuyển biến tích cực nhất định. Tại Thông cáo báo chí của Tổng cục Thống kê công bố tại website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư¹ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 cũng đã khẳng định nền kinh tế Việt Nam đã nhanh chóng thoát khỏi đà suy giảm và đang có xu hướng phục hồi khá nhanh và rõ nét trong hầu hết các ngành và lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tốc độ tăng trưởng đang dần được cải thiện và nâng cao, tính chung cả năm 2009, tổng sản phẩm trong nước tăng 5,32%. Trong năm 2010, Chính phủ đang đặt mục tiêu đưa mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên khoảng 6,5%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng trên 6%; Chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%; Tạo việc làm mới cho khoảng 1,6 triệu lao động.

¹ <http://www.mpi.gov.vn/>



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Lạm phát

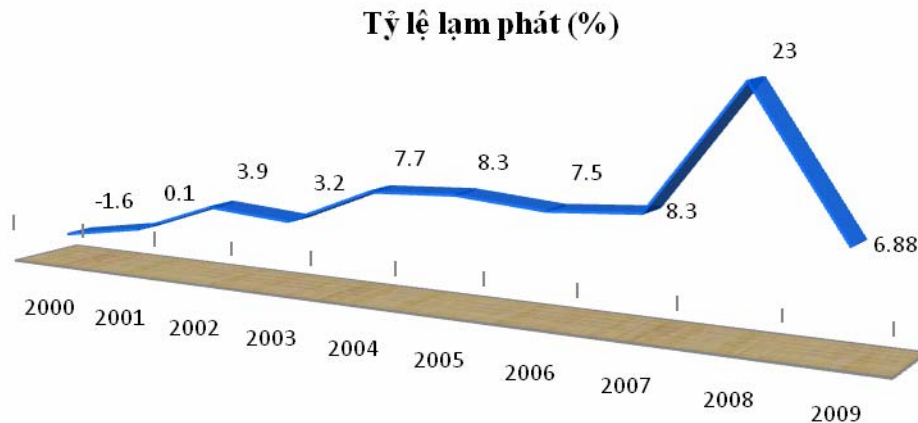
Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Do ngay từ đầu năm Chính phủ và các cấp, các ngành đã triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng ngừa tái lạm phát cao trở lại, khôi phục và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nhất là tập trung phát triển thị trường trong nước; chỉ đạo, điều hành tài chính, tiền tệ linh hoạt nên mức lạm phát năm 2009 không cao. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 tăng 6,88% so với bình quân năm 2008, là mức thấp nhất trong 6 năm trở lại đây (Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2004 tăng 7,71%; năm 2005 tăng 8,29%; năm 2006 tăng 7,48%; năm 2007 tăng 8,3%; năm 2008 tăng 22,97%). Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế nước ta vừa đạt mức tăng trưởng tương đối khá, vừa duy trì được mức độ lạm phát không cao, đây là thành công lớn trong chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô (Nguồn: Tổng cục Thống kê).

Nếu như lạm phát hai con số của năm 2008 một phần do ảnh hưởng của việc thực hiện chính sách tiền tệ nhằm điều tiết nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài liên tục tăng trưởng qua các năm thì trong năm 2009, việc kiềm chế lạm phát được đặt lên là chỉ tiêu kinh tế vĩ mô được ưu tiên kiểm soát. Một loạt các biện pháp nhằm thực hiện một chính sách tiền tệ thắt chặt như tăng dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất cơ bản, bán trái phiếu bắt buộc để điều chỉnh cung tiền. Do đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào Việt Nam trong cả năm 2009 chỉ bằng 30% của năm 2008, đạt 21,48 tỷ USD nhưng vẫn là kết quả khá so với kế hoạch ban đầu chỉ là 20 tỷ USD do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Vốn thực hiện cũng đạt khá, ước đạt 10 tỷ USD, bằng 87% so với năm 2008 (Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Song song với chính sách tiền tệ thắt chặt, Chính phủ cũng thực hiện cắt giảm và kiểm soát chi tiêu công một cách hiệu quả, giảm mạnh các chi phí hành chính trong các cơ quan nhà nước, loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả, nhưng vẫn tạo mọi điều kiện cho đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài để thúc đẩy tăng trưởng.

Tháng 12 năm 2009, lạm phát có xu hướng tăng trở lại nhưng chỉ là hiện tượng nhất thời do nhu cầu chi tiêu của người dân tăng cao vào dịp cuối năm. Trong thời gian tới, nguy cơ tái lạm phát có khả năng xảy ra nếu Ngân hàng Nhà nước không có biện pháp kiểm soát tốt hoạt động tín dụng và lượng tiền cung ứng. Để tránh rủi ro này, Công ty NEDI2 thường xuyên cập nhật các thông tin có liên quan để phân tích, đánh giá các khả năng xảy ra lạm

phát để có chiến lược kinh doanh phù hợp.

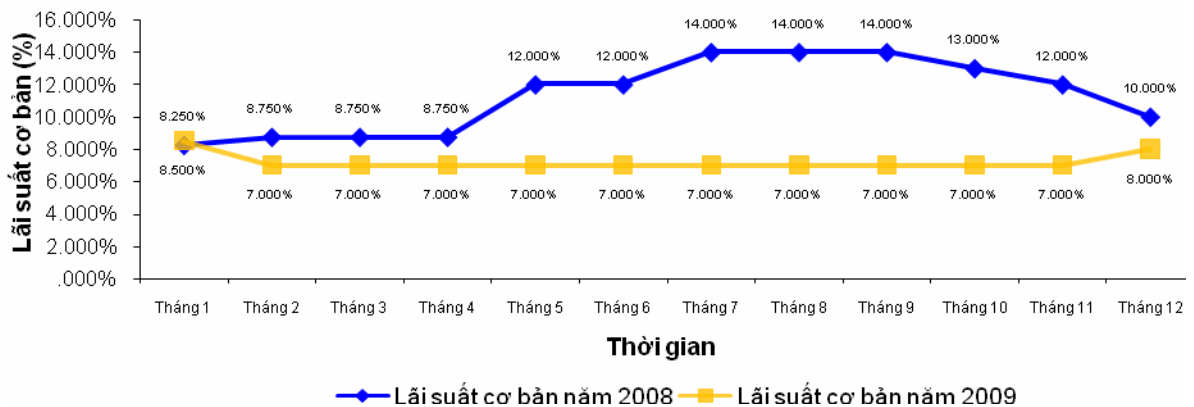


(Nguồn: ADB, Tổng cục thống kê)

Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm và đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Đối với Công ty NEDI2 là doanh nghiệp tham gia hoạt động đầu tư chủ yếu sử dụng các nguồn vốn vay dài hạn, thời gian vay và trả nợ tương đối dài, sự biến động mạnh của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp cũng như hiệu quả đầu tư của dự án đầu tư.

Biểu đồ lãi suất cơ bản năm 2008, 2009



(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tỷ giá hối đoái

Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối được chính thức được ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam. Tuy nhiên, với lượng vốn đầu tư nước ngoài thu hút lớn, các tiềm ẩn rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái được đánh giá là không nhỏ.

Rủi ro tỷ giá là rủi ro khi tỷ giá thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá của các nguyên nhiên vật liệu sản xuất nhập khẩu như sắt thép, máy móc, thiết bị,... hoặc chi phí vốn nếu nguồn vốn thực hiện dự án từ các nguồn vốn vay ngoại tệ từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong tất cả các hợp đồng kinh tế liên quan đến xây dựng dự án, cung cấp

nguyên nhiên vật liệu cho hoạt động xây dựng, chi phí đầu vào của dự án và dự thảo hợp đồng cung cấp điện với EVN, giá trị thanh toán bằng đồng Việt Nam. Do vậy, rủi ro về tỷ giá không có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động đầu tư của Công ty NEDI2.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp.

Hoạt động đầu tư của Công ty NEDI2 chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế xuất nhập khẩu v.v, các văn bản dưới luật liên quan về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Xử phạt vi phạm hành chính trong xây dựng và các văn bản pháp luật liên quan khác. Hệ thống luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh, có thể dẫn đến thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.... Điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty NEDI2.

Tuy nhiên, dự án đầu tư của Công ty NEDI2 thuộc ngành, lĩnh vực đầu tư đang được Nhà nước khuyến khích đầu tư, vì vậy, ảnh hưởng rủi ro về pháp luật tác động không cao.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro thời tiết và lưu lượng nước Ngòi Phát

Nhu cầu về năng lượng để đáp ứng sự hoạt động và phát triển của các ngành sản xuất luôn tăng cao qua các năm. Cũng như các nguồn năng lượng khác, năng lượng điện luôn là một trong những nguồn năng lượng vô cùng quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các loại hình doanh nghiệp. Đảm bảo sự ổn định nguồn cung năng lượng điện là một trong những vấn đề sống còn đối với sự hoạt động và phát triển của tất cả các doanh nghiệp.

Rủi ro đặc thù và có ảnh hưởng rõ rệt lớn nhất tới độ ổn định của sản lượng điện sản xuất các nhà máy thủy điện là rủi ro về điều kiện thời tiết.

Tuy nhiên, dự án thủy điện Ngòi Phát nằm ở hạ lưu của dòng suối Ngòi Phát thuộc 3 xã Bản Vược, Bản Xèo, Dền Thàng, huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, là dự án thủy điện dưới cùng trong quy hoạch bậc thang thủy điện trên suối Ngòi Phát. Ngòi Phát là một suối lớn nằm phía hữu ngạn sông Hồng thuộc tỉnh Lào Cai, bắt nguồn từ vùng núi cao nằm giữa hai huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu và huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai từ trên cao độ 3000m chảy theo hướng chính Tây nam - Đông bắc đổ ra sông Hồng ở cao độ khoảng 98m giữa hai xã Cốc Mỳ và Bản Vược (huyện Bát Xát), cách thành phố Lào Cai khoảng 25 km về phía Tây bắc. Diện tích toàn bộ lưu vực Ngòi Phát là 512 km², đến tuyến nhà máy là 438 km². Chiều dài dòng chính từ nguồn đến cửa sông là 37,5 km. Công trình thủy điện Ngòi Phát được xây dựng với quy mô khai thác dòng chảy trên Ngòi Phát, kết hợp đập dâng và tận dụng cột nước địa hình để phát điện với công suất 72MW và điện lượng trung bình hàng năm Eo = 315 triệu KWh. Toàn bộ diện tích lưu vực Ngòi Phát thuộc dãy Hoàng Liên Sơn với khu rừng già phòng hộ, điều kiện thủy văn, lượng mưa hàng năm đều do vậy lưu lượng dòng chảy của Ngòi Phát rất ổn định. Đây là một điều thuận lợi đối với nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro khi sự biến động của giá điện làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, điện là một sản phẩm đặc thù là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành, lĩnh vực kinh doanh và theo kế hoạch phát triển ngành điện thì đến năm 2020, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu điện từ bên ngoài. Bên cạnh đó, Công ty NEDI2 cũng đã ký hợp đồng mua bán

điện với EVN. Đây chính là các yếu tố đảm bảo dự án của Công ty NEDI2 sẽ đạt hiệu quả cao khi hoàn thành và đi vào hoạt động ổn định với tất cả các tổ máy phát điện. Rủi ro thị trường, rủi ro về biến động giá tác động tới hoạt động kinh doanh của dự án là không lớn.

Đối với việc giao dịch cổ phiếu NEDI2: giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Công ty như uy tín và thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, hướng tới việc chuẩn mực hóa các công tác quản trị và điều hành..., là tiền đề cơ bản để niêm yết chính thức cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá giao dịch cổ phiếu trên TTCK, trong đó có cổ phiếu NEDI2, là điều không thể tránh khỏi. Trên thực tế, giá của chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố: ảnh hưởng từ tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức niêm yết, cung cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, sự thay đổi của pháp luật có liên quan, tình hình biến động giá chung của toàn thị trường,...

Ngoài ra, giá cổ phiếu của NEDI2 có thể chịu sự rủi ro loãng giá khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

3.3. Phương pháp hạch toán theo tiến độ dự án đầu tư

Trong lĩnh vực xây dựng, phương pháp ghi nhận doanh thu chi phí theo mức độ hoàn thành từng phần của dự án có thể ảnh hưởng đến mức độ chính xác của doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp.

Phương pháp này cho phép doanh nghiệp ghi nhận chi phí liên quan tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá trị đầu tư được hạch toán theo tiến độ phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Việc xác định doanh thu của dự án chỉ được thực hiện khi dự án đầu tư của doanh nghiệp hoàn thành và đi vào hoạt động (từng phần, toàn phần).

3.4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi doanh nghiệp chưa thể thu xếp nguồn vốn để đầu tư dự án theo đúng tiến độ hoặc doanh nghiệp không thu xếp được nguồn để hoàn trả các khoản vay đến hạn.

Do đặc điểm của ngành xây dựng, khi thực hiện dự án đặc biệt là những dự án lớn, nguồn vốn vay tại một số thời điểm có thể ở mức rất cao làm tăng tỉ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu. Trong khi đó, doanh nghiệp cũng phát sinh các khoản phải thu khách hàng, ứng trước cho người bán. Trong trường hợp khi các khoản vay đến hạn mà doanh nghiệp không thu xếp được nguồn để hoàn trả, doanh nghiệp có thể gặp rủi ro tín dụng.

Để quản lý rủi ro này, Công ty NEDI2 đã lựa chọn các đối tác tài chính lớn có uy tín để tài trợ vốn cho dự án và thực hiện giao dịch là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) và Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (TECHCOMBANK). Công tác quản lý nguồn vốn được giao cho nhân sự có nhiều kinh nghiệm về hoạt động tài chính, hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của rủi ro này đến hoạt động của dự án.

3.5. Rủi ro chi phí đầu tư xây dựng dự án tăng

Chi phí đầu vào tăng có thể do nguyên nhân lạm phát mà dự kiến có thể tăng trong thời gian xây dựng dự án và các chi phí do phát sinh khối lượng không lường trước được.

Trong quá khứ, phần lớn các hợp đồng Công ty NEDI2 ký với đối tác đều có các điều khoản bù giá bao gồm các chi phí nguyên vật liệu, lao động và các yếu tố khác. Bên cạnh việc quản lý tốt chất lượng khảo sát và thiết kế, giảm thiểu tối đa khối lượng phát sinh không lường trước được, Công ty NEDI2 đã đấu thầu các gói thầu lớn của dự án (xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị...) và ký hợp đồng theo hình thức trọn gói làm giảm ảnh hưởng của rủi ro này đến hoạt động của dự án.

3.6. Rủi ro đảm bảo vốn tự có tối thiểu

Rủi ro này phát sinh khi doanh nghiệp không đảm bảo được mức vốn tự có tối thiểu theo quy định hoặc cam kết khi đầu tư xây dựng dự án.

Với việc thực hiện đồng thời 02 dự án lớn là dự án thủy điện Ngòi Phát và dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa, Công ty NEDI2 phải đảm bảo nguồn vốn tự có theo cam kết đầu tư. Để hạn chế rủi ro này, bên cạnh nguồn vốn đóng góp của hai cổ đông chính có tiềm lực về tài chính là Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), HĐQT Công ty đã xây dựng phương án phát hành cổ phần huy động vốn trình ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua. Nguồn vốn huy động sẽ được sử dụng để thực hiện đầu tư hai dự án của Công ty: dự án thủy điện Ngòi Phát và dự án KĐT thương mại Thủy Hoa.

3.7. Rủi ro cam kết chất lượng và tiến độ thực hiện

Việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là dự án thủy điện Ngòi Phát, Công ty NEDI2 phải đảm bảo yêu cầu về tiến độ và chất lượng công trình. Tuy nhiên, có khả năng xảy ra việc chất lượng không đạt yêu cầu hoặc chậm tiến độ công trình từ đó phát sinh các chi phí khắc phục làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công dự án như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và mua bảo hiểm xây dựng công trình.

Tóm lại, với những đặc thù trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình, Công ty NEDI2 đã có những biện pháp để quản lý các rủi ro, chủ động thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

- Ông **Trịnh Hoàng Duy** - Chủ tịch HĐQT
- Ông **Trương Chí Thành** - Giám đốc công ty
- Ông **Lưu Chấn Hưng** - Kế toán trưởng công ty
- Ông **Đặng Thanh Huân** - Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

- Ông **Phạm Minh Tuấn**, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SMES)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán SME (SMES) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Bản công bố thông tin	Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 về những nội dung liên quan đến giao dịch.
Công ty / NEDI2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của NEDI2
Cổ phần	Vốn điều lệ của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ phiếu	Loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của NEDI2
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của NEDI2 sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
Điều lệ	Điều lệ của NEDI2 đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua ngày 28/4/2009
Năm tài chính	Tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm
Người liên quan	Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân; - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên 10% số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết; - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó; - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; - Công ty mẹ, công ty con; - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia
Vốn điều lệ	Số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của NEDI2.
TTCK	Thị trường Chứng khoán
CTCK	Công ty chứng khoán
CTQLQ	Công ty quản lý quỹ
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở GDCKHN	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
BGD	Ban giám đốc Công ty
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
ROA	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản
ROE	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu
USD	Đơn vị tiền tệ của Hoa Kỳ, đồng đô-la Mỹ.
EUR	Đơn vị tiền tệ của Liên minh Châu Âu
VND	Đơn vị tiền tệ của Việt Nam, đồng Việt Nam.
ISO 9001:2000	Chứng chỉ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về công ty

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng Anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY No.2
- Tên viết tắt: NEDI2
- Logo công ty:



- Vốn điều lệ theo GCN ĐKKD: 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng.
- Vốn thực góp của các cổ đông: 132.006.277.633 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ, không trăm linh sáu triệu, hai trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi ba đồng).
- Trụ sở chính: Số 100 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Văn phòng tại Hà Nội: P.304, Tòa nhà thời trang Vinaconex, Khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Điện thoại : (84-20) 3822759 (84-4) 2224 9237
- Fax: (84-20) 3823084 (84-4) 2224 9238
- Email: nedi2_hn@yahoo.com / nedi2@nedi2.com.vn
- Website: www.nedi2.com.vn
- Số tài khoản: 12510000110342 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đông Đô.
- Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận ĐKKD số 1203000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 06/05/2004, thay đổi lần thứ 6 ngày 6/10/2008.
 - Mã số thuế : 5300215527
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
 - Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện.
 - Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất.
 - Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê.

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng.
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

1.2. Vốn điều lệ của công ty

Ngày 06/05/2004, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/10/2008 với số vốn là: 500 tỷ đồng, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CP theo cam kết	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp cam kết
1	Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	25.500.000	255.000.000.000	51,0%
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	5.000.000	50.000.000.000	10,0%
3	Công ty CP xây dựng công trình ngầm (VINAVICO)	1.900.000	19.000.000.000	3,8%
4	Công ty CP Vimeco	1.140.000	11.400.000.000	2,3%
5	Phần vốn chào bán	16.460.000	164.600.000.000	32,9%
Tổng		50.000.000	500.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

Tại thời điểm chốt DSCĐ 31/03/2010, cơ cấu vốn thực góp của NEDI2 như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CP thực tế góp của các cổ đông	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	7.210.977	72.109.770.000	54,626%
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	2.180.000	21.800.000.000	16,514%
3	Công ty CP Chứng khoán SME	700.000	7.000.000.000	5,303%
4	Công ty CP Vimeco	638.700	6.387.000.000	4,838%
5	Công ty CP xây dựng công trình ngầm (VINAVICO)	285.600	2.856.000.000	2,164%
6	Công ty CP Bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai	55.550	555.500.000	0,421%
7	Công ty CP tư vấn và đầu tư VINACONEX 36	1.700	17.000.000	0,013%
8	Cổ đông khác (cá nhân + đối tác, bạn hàng)	2.128.100	21.281.000.000	16,121%
Tổng		13.200.627	132.006.270.000	100%

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

Ghi chú: Tổng giá trị vốn thực góp của Công ty đã được làm tròn theo số cổ phần.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của VINACONEX, một Tổng công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay Công ty NEDI2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng (thủy điện, bất động sản) chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao, Công ty NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, Công ty NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

1.4. Quá trình tăng vốn của NEDI2

- Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 theo ĐKKD là: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng). Đến thời điểm 31/03/2010, Vốn thực góp của Nedi2 là 132.006.277.633 đồng. Quá trình tăng vốn cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Thời gian	Vốn điều lệ thực góp	Phương thức tăng vốn điều lệ
Khi thành lập (Năm 2004)	8.800	Các cổ đông sáng lập góp vốn theo lộ trình góp vốn .
31/12/2005	10.320	Tăng vốn từ 8,8 tỷ đồng lên 10,32 tỷ đồng. - Các cổ đông sáng lập góp vốn theo lộ trình thực hiện dự án đầu tư của Công ty nhằm đảm bảo nguồn vốn đối ứng;
31/12/2006 (Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01 NQ/NEDI2-ĐHCĐ)	33.978,98	Tăng vốn từ 10,32 tỷ đồng lên 33,978 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01 NQ/NEDI2-ĐHCĐ ngày 06/09/2006. - Đối tượng góp vốn: Cổ đông hiện hữu.
31/12/2007 (Nghị quyết ĐHCĐ số 07A NQ/NEDI2-ĐHCĐ)	93.889,09	Tăng vốn theo Nghị quyết ĐHCĐ số 07A NQ/NEDI2-ĐHCĐ. Tổng hợp vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2007: 93,889 tỷ đồng Đối tượng chào bán: - Cổ đông hiện hữu của Công ty; - Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Vinaconex; - Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BIDV); - CBNV Công ty; - CBNV của các đơn vị thành viên của TCT Vinaconex. Việc thực hiện phát hành cổ phần tăng vốn của Nedi2 năm 2007 đã vi phạm quy định về phân phối chứng khoán và báo cáo. Ngày 14/02/2008, UBCKNN đã ra quyết định số 29/QĐ-TT xử phạt vi phạm hành chính đối với Nedi2. Nedi2 đã nộp phạt đầy đủ theo quy định.
31/12/2008 (Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2008)	105.599	Tăng vốn theo Nghị quyết ĐHCĐ số 07A NQ/NEDI2-ĐHCĐ. Tổng hợp vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2008: 105,599 tỷ đồng Đối tượng góp vốn: - Tổng Công ty Vinaconex; - CTCP Công trình ngầm VINAVICO; - CTCP Vimeco; - CTCP Chứng khoán SME.

31/12/2009 132.006,27 Thực hiện kế hoạch đầu tư dự án và Lộ trình góp vốn của các cổ đông, trong năm 2009, Nedi2 nhận vốn góp của: TCT Vinaconex (23,066 tỷ đồng) và CTCP Vimeco (3,341 tỷ đồng) tăng vốn điều lệ thực góp của Công ty từ 105,599 tỷ lên 132,006 tỷ đồng.

Việc thực hiện phát hành cổ phần tăng vốn của Nedi2 năm 2009 đã vi phạm quy định về công bố thông tin và báo cáo. Ngày 04/06/2010, UBCKNN đã ra quyết định số 436/QĐ-UBCK xử phạt vi phạm hành chính đối với Nedi2.

Nedi2 đã nộp phạt đầy đủ theo quy định.

1.5. Tầm nhìn chiến lược

SỨ MỆNH

Phấn đấu xây dựng NEDI 2 trở thành một doanh nghiệp được thừa nhận rộng rãi về tính hiệu quả cao trong các lĩnh vực hoạt động tạo ra giá trị mới.

GIÁ TRỊ CƠ BẢN

Đoàn kết, trung thực, cởi mở, hợp tác, luôn có ý thức tự hoàn thiện bản thân là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển con người của NEDI 2.

Cam kết mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng và các đối tác thông qua quá trình liên tục hoàn thiện phong cách làm việc chuyên nghiệp là ưu tiên hàng đầu trong chính sách chất lượng của NEDI 2.

Nâng cao năng lực sáng tạo, vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội để đạt được lợi ích cao nhất, biến những ước mơ trở thành hiện thực là nền tảng cơ bản trong chiến lược quản trị kinh doanh của NEDI 2.

Gắn kết hoạt động kinh doanh của NEDI 2 với các hoạt động phát triển cộng đồng và xã hội.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Phát triển mọi mặt một cách nhanh chóng và bền vững để trở thành một nhà đầu tư có uy tín trong lĩnh vực phát triển Năng lượng và Bất động sản.

Tối đa hoá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện phong cách làm việc chuyên nghiệp, tạo ra giá trị cho khách hàng và các Cổ đông của Công ty.

Phát huy tối đa năng lực của cán bộ nhân viên, gắn liền tăng trưởng của Công ty với lợi ích mọi thành viên trong Công ty.

MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

Đầu tư thành công Dự án thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW tại Tỉnh Lào Cai, phát điện vào lưới điện quốc gia đúng tiến độ.

Tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư các dự án thủy điện độc lập quy mô vừa tại các tỉnh miền Bắc.

Phát triển Dự án đô thị - thương mại Thủy Hoa tại thành phố Lào Cai thành một mô hình đầu tư và kinh doanh bất động sản thành công trong khu kinh tế cửa khẩu giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

Hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư.

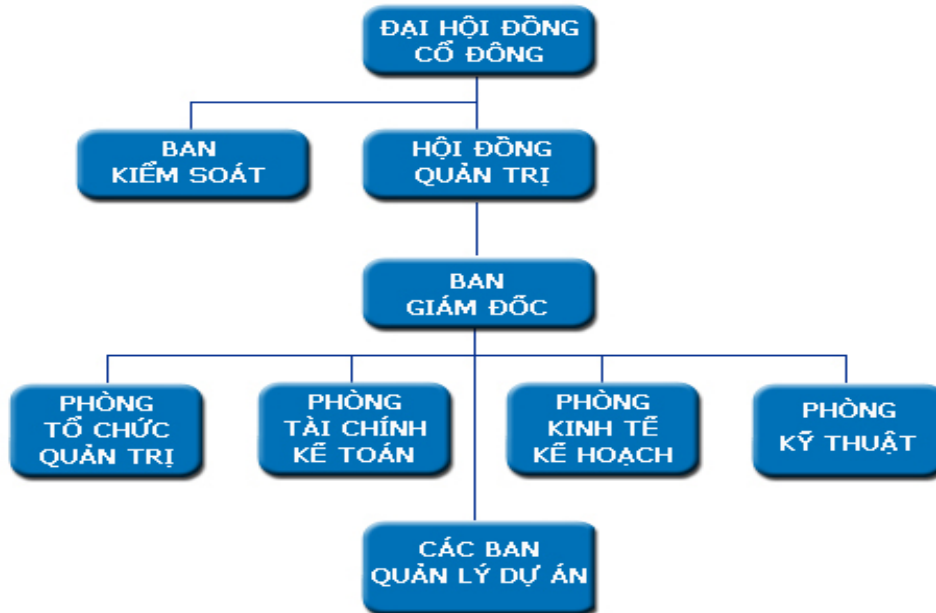
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 28/04/2009.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị công ty:



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 quy định.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm những người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách thành viên HĐQT:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| • Ông Trịnh Hoàng Duy | - Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Nguyễn Đức Lưu | - Thành viên HĐQT |
| • Ông Trương Chí Thành | - Thành viên HĐQT |
| • Bà Lê Thị Kim Khuyên | - Thành viên HĐQT |
| • Ông Phan Huy Chí | - Thành viên HĐQT |
| • Ông Nguyễn Thanh Hoàn | - Thành viên HĐQT |

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

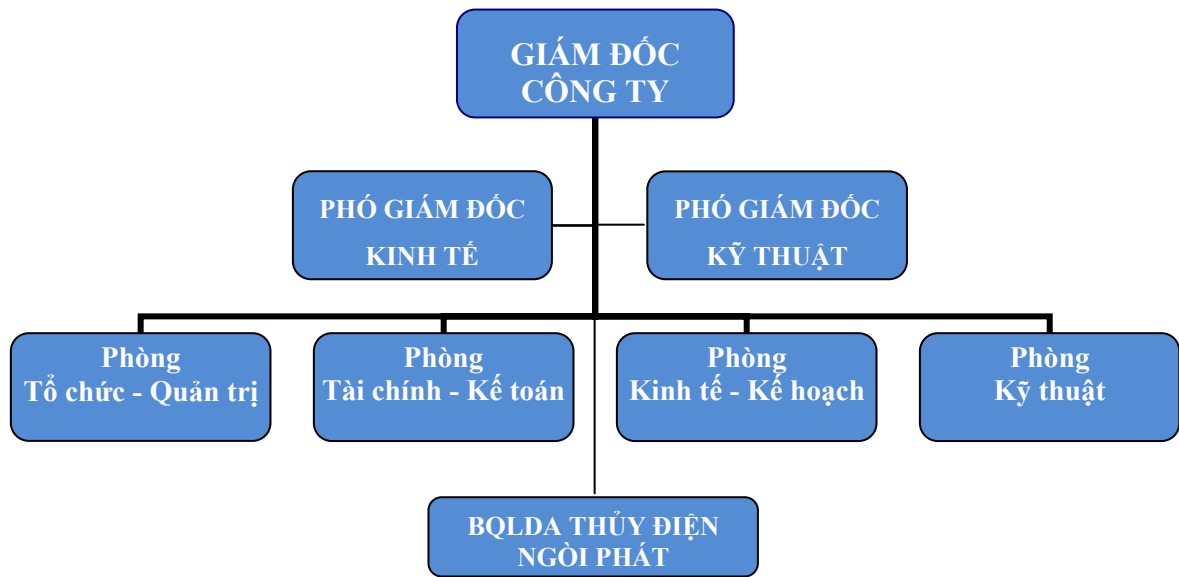
Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng, tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| • Ông Đặng Thanh Huấn | - Trưởng Ban kiểm soát |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà | - Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Hoàng Trọng Thạch | - Thành viên Ban kiểm soát |

Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành:



Ban giám đốc: Là bộ máy điều hành hoạt động hàng ngày của công ty.

Thành phần Ban Giám đốc gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách kinh tế, Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật, đứng đầu Ban Giám đốc là Giám đốc.

- Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính về hoạt động của Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh do Đại hội cổ đông thông qua. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ công ty theo đúng Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng quản trị.
- Phó Giám đốc chịu trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về những lĩnh vực công việc được giao, hỗ trợ công việc quản lý cho Giám đốc.

Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Giám đốc:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Ban Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty; quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ và trong cơ cấu quản trị điều hành của công ty.

Danh sách thành viên Ban giám đốc:

- Ông Trương Chí Thành - Giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Đăng - Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Trung Hải - Phó Giám đốc

Các khối Phòng ban nghiệp vụ:

- Khối Phòng ban nghiệp vụ là bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện các công việc của một lĩnh vực nghiệp vụ trong toàn hệ thống Công ty. Lĩnh vực nghiệp vụ được hiểu là những tiêu chuẩn tổng hợp từ quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của Công ty.
- Từng khối Phòng ban nghiệp vụ chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ trong lĩnh vực nghiệp vụ thuộc khối đó. Đứng đầu phòng ban là trưởng phòng do Giám đốc trực tiếp điều hành.
- Công ty gồm các khối Phòng ban nghiệp vụ sau:
 - Phòng Tổ chức - Quản trị
 - Phòng Tài chính - Kế toán
 - Phòng Kinh tế - Kế hoạch
 - Phòng Kỹ thuật
 - Ban Quản lý dự án

Chức năng, nhiệm vụ của các Khối, phòng ban

PHÒNG TỔ CHỨC - QUẢN TRỊ

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực hành chính - quản trị:

- Xây dựng bộ máy quản lý, hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch phát triển lực lượng lao động là cán bộ viên chức, chuyên viên, kỹ sư, nhân viên các Ngành, đủ phẩm chất và năng lực để đáp ứng cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý nhân lực thuộc tất cả các đối tượng lao động là cán bộ nhân viên Công ty.
- Theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tổ chức - lao động - tiền lương - chế độ trong toàn Công ty.
- Quản lý công tác hành chính, bảo vệ, y tế trong toàn Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế, các chế độ chính sách của Nhà nước tại đơn vị cơ sở.
- Tham mưu, giúp việc cho chi ủy Công ty trong công tác quản lý và xây dựng Chi bộ.

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

- Chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác tài chính - tín dụng - kế toán, thông tin kinh tế, tổ chức hạch toán kinh tế trong toàn Công ty.
- Huy động các nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn, vật tư, tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời xây dựng và duy trì các nguồn vốn nói trên.
- Hoạch định chiến lược tài chính, tín dụng đầu tư của Công ty trong kế hoạch ngắn hạn, dài hạn 5 - 10 năm của Công ty.
- Quản lý, bảo toàn và phát triển tiền vốn, tài sản của các cổ đông theo đúng những quy

định chung của pháp luật và Điều lệ Công ty về quản lý tài chính.

- Tổ chức công tác lên sàn giao dịch Chứng khoán và Bản cáo bạch theo luật định.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, HĐQT, Đại hội đồng cổ đông Công ty và pháp luật về các thông tin tài chính kế toán, các báo cáo tài chính của toàn Công ty.

PHÒNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực:

- Hoạch định kế hoạch dài hạn 5 năm, kế hoạch định hướng 10 năm của Công ty căn cứ các mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng, giám sát và quản lý kế hoạch sản xuất và kinh doanh hàng năm, hàng quý, hàng tháng trong toàn Công ty.
- Nghiên cứu, đánh giá cơ hội đầu tư; chỉ đạo tổ chức triển khai công tác chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật trong toàn Công ty.
- Tổ chức theo dõi, quản lý việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh, liên kết; Hợp đồng kinh tế; Hợp đồng mua sắm thiết bị, Hợp đồng vay và cho vay.
- Lập kế hoạch đấu thầu, chủ trì thực hiện kế hoạch đấu thầu theo quy định đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư; quản lý kinh tế các công trình, hạng mục công trình do Công ty tổ chức thực hiện; chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng giá thành sản phẩm đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.

PHÒNG KỸ THUẬT

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Giám đốc Công ty trong lĩnh vực:

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình xây dựng và các sản phẩm hàng hoá khác, tiến độ thi công, biện pháp thi công, khối lượng thực hiện các dự án trong toàn Công ty.
- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện, theo dõi, giám sát công tác bảo hộ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp các dự án trong toàn Công ty.
- Hoạch định xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ, tổ chức thực hiện các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chương trình ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới trong toàn Công ty.
- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý vật tư - thiết bị của dự án, trang thiết bị kỹ thuật và xe máy trong toàn Công ty.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh tại mỗi dự án của Công ty hoặc dự án do Công ty là chủ đầu tư xây dựng.
- Phối hợp với các đơn vị, tổ chức thi công thực hiện kế hoạch xây dựng dự án và khai thác dự án theo đúng kế hoạch của lãnh đạo Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần của công ty, cơ cấu cổ đông của công ty**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY (tại thời điểm 20/05/2010)**

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội	7.210.977	54,626%
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	106300	Tháp A Tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	2.180.000	16,514%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	0103015182	39 A Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	700.000	5,303%
Tổng cộng				10.090.977	76,443%

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY (tại thời điểm 20/05/2010)

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CP	TỶ LỆ %
1	Cổ đông pháp nhân	11.072.527	83,88%
	Trong nước	11.072.527	83,88%
	Nước ngoài	0	0,00%
2	Cổ đông thể nhân	2.128.100	16,12%
	Trong nước	2.128.100	16,12%
	Nước ngoài	0	0,00%
	TỔNG	13.200.627	100%

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

4. Danh sách công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Công ty con của NEDI2

Không có

Danh sách công ty mà NEDI2 nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với NEDI2 tại thời điểm 31/03/2010:

STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	0103014768	Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội	7.210.977	54,626%

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Giới thiệu về các dự án do Công ty làm chủ đầu tư

5.1.1. Dự án Thủy điện Ngòi Phát

Giới thiệu chung:

- Tên Dự án: **Thủy điện Ngòi Phát**
- Chủ đầu tư: **Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI2)**
- Cấp công trình: Theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 285:2002 “Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế” với các thông số chính của công trình:
 - Công trình đầu mối : Công trình cấp III
 - Công trình tuyến năng lượng: Công trình cấp II
- Địa điểm xây dựng công trình: Công trình Thủy điện Ngòi Phát được xây dựng trên Ngòi Phát, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai. Toàn bộ công trình nằm bên bờ hữu Ngòi Phát thuộc 3 Xã Bản Vược, Bản Xèo, Dền Thàng, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai.
 - Toạ độ địa lý tuyến đập: 103°33'27" kinh độ Đông
22°36'16" vĩ độ Bắc
 - Toạ độ địa lý tuyến nhà máy: 103°48' kinh độ Đông
22°36'16" vĩ độ Bắc
- Diện tích toàn bộ lưu vực Ngòi Phát là 512 km², tính đến tuyến đập Ngòi Phát là 398 km², đến tuyến nhà máy là 438 km². Chiều dài sông chính từ nguồn đến cửa sông là 37,5 km.
- Diện tích sử dụng đất: 209 ha
- Nhiệm vụ chính của công trình: Cung cấp điện năng cho khu vực Lào Cai qua lưới điện Quốc gia với công suất 72 MW và điện lượng trung bình hàng năm 313,9 triệu kwh.
- Đơn vị tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán: Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng.
- Đơn vị thẩm tra Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán: Viện Khoa học Năng lượng - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Sự cần thiết và mục đích đầu tư:

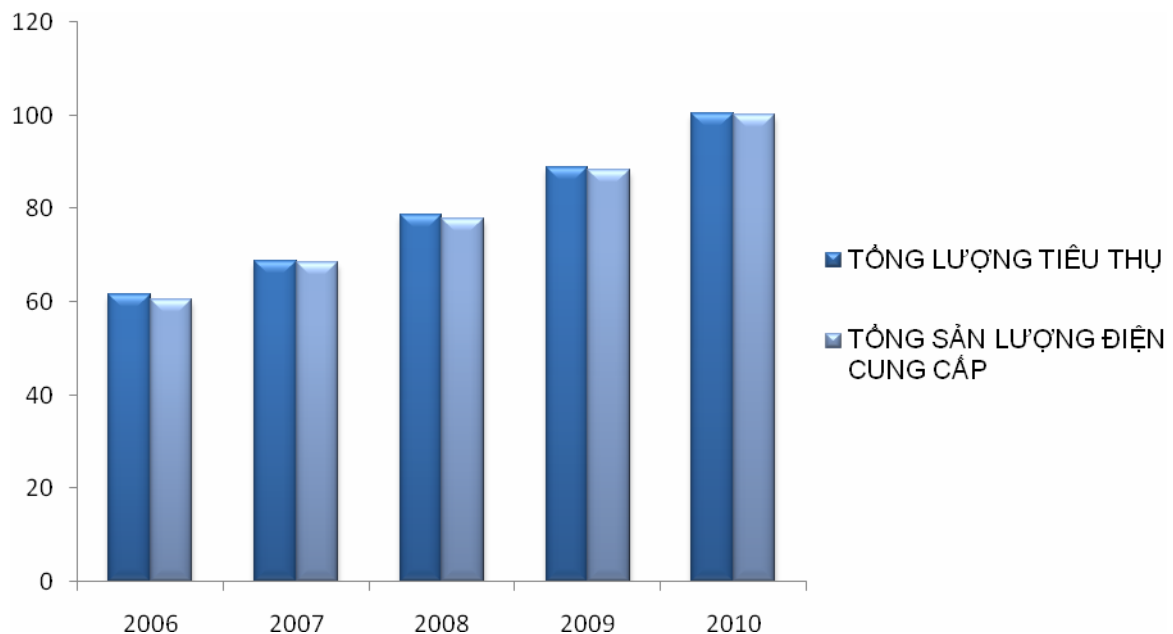
- Thủy điện Ngòi Phát được xây dựng tại địa phận Ngòi Phát có nhiều nhánh suối lớn nhỏ từ hai bên sườn núi chảy vào nên có lượng nước khá dồi dào nhất là vào mùa mưa, tiềm năng của con suối này khá phù hợp để đầu tư và phát triển các nhà máy thủy điện.
- Cung cấp điện năng cho khu vực Lào Cai qua lưới điện Quốc gia và theo biểu đồ điều độ do Tổng công ty Điện lực Việt Nam (EVN) yêu cầu, điện lượng trung bình hàng năm 313,9 triệu kwh.
- Việc xây dựng công trình thủy điện Ngòi Phát có ý nghĩa góp phần khai thác triệt để nguồn tài nguyên nước trên các vùng núi cao, cung cấp điện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi, điều hoà nguồn nước, giải quyết bài toán của địa phương về định hướng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mang lại hiệu quả đầu tư cho Chủ đầu tư.



Đặc điểm thị trường điện tại Việt Nam

a/ Dự báo cung và cầu

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng xã hội ngày càng gia tăng. Do đó, nhu cầu đối với điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt cũng ngày càng tăng. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho sự phát triển ngành điện nói chung và các nhà máy thủy điện nói riêng. Theo tính toán của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN) thì nhu cầu sử dụng điện năng trong nước dự kiến từ nay đến năm 2020 như sau:



Nguồn: EVN

Có thể thấy nhu cầu sử dụng điện năng từ nay cho đến năm 2020 tăng ngày càng nhanh với tốc độ tăng trung bình hơn 17%/năm (phương án cơ sở), 20% năm (phương án cao) trong giai đoạn 2006 - 2015, trong đó xác định phương án cao là phương án điều hành, chuẩn bị phương án 22% năm cho trường hợp tăng trưởng đột biến. Như vậy, tốc độ tăng nhu cầu tiêu dùng điện năng cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng trưởng sản xuất điện năng trong nước hiện tại (tính trong 5 năm gần đây).

Nhu cầu điện hàng năm tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nguồn cung cấp điện, dẫn tới luôn xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn điện cho sản xuất và sinh hoạt. Do vậy, ngành điện phải đẩy mạnh xây dựng thêm nhiều nhà máy điện trong đó ưu tiên phát triển các nhà máy thủy điện đồng thời kết hợp trao đổi liên kết lưới điện với các nước trong khu vực để đáp ứng nhu cầu nội địa và tiến tới xuất khẩu.

Cung về điện

Thị trường điện Việt Nam là thị trường có cung nhỏ hơn cầu. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế như hiện nay, tình trạng thiếu hụt điện chắc chắn sẽ xảy ra do tiến độ chậm trễ của nhiều nguồn phát mới và tình hình thủy văn khắc nghiệt². Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia dự đoán sản lượng thiếu hụt sẽ dao động từ 152 - 1.500 triệu KWh (riêng trong mùa khô là từ 67 - 332 triệu KWh).

Mức thiếu hụt này lớn hơn nhiều so với năm 2005 và 2006 - đều ở mức dưới 500 triệu KWh, nhưng đã làm nhiều địa phương, đặc biệt là các tỉnh phía Bắc lao đao vì cảnh mất điện đột ngột và cắt điện luân phiên.

Vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành quy hoạch điện giai đoạn 6 (gọi là Tổng sơ đồ 6) cho giai đoạn 2006 - 2015 và có tầm nhìn đến năm 2025. Với quy hoạch này thì giai đoạn 2006 - 2015, sẽ đưa vào xây dựng thêm khoảng 48.000 MW công suất điện mới. Giai đoạn 2016 - 2025 sẽ đưa vào khoảng 112.000 MW công suất điện mới.

Cầu về điện

Cầu về điện trong công nghiệp: Tốc độ tăng trưởng bình quân cho điện công nghiệp và xây dựng giai đoạn 1995 -2004 là 16,3%, riêng 5 năm 2000-2004 là 18,5%. Tỷ trọng tiêu thụ điện trong công nghiệp trong giai đoạn 1995 – 2004 tăng từ 38% đến 45,2%.

Cầu về điện trong nông nghiệp: Điện trong nông nghiệp có tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tiêu thụ điện, chủ yếu cung cấp trong thủy lợi, ngư nghiệp, làng nghề sản xuất nhỏ.

Cầu về điện trong sinh hoạt của nhân dân: Nhu cầu điện trong dân dụng tăng đáng kể do sự phát triển của nền kinh tế, số lượng thiết bị điện tăng mạnh như (Tivi, điều hòa, máy giặt...). Việc đưa điện về nông thôn miền núi để phục vụ bà con và phát triển kinh tế làm cho nhu cầu về điện trong sinh hoạt tăng nhanh. Từ năm 1995 đến 2004 tăng trưởng bình quân là 15,2%.

Cầu về điện trong thương mại, khách sạn nhà hàng và các hoạt động khác: Đây là lĩnh vực có tỷ trọng nhỏ giao động trong khoảng 7-9% trong cơ cấu tiêu thụ điện nhưng có tốc độ tăng trưởng cao, khoảng 14,8% năm trong giai đoạn 1995 – 2004.

Theo dự báo của EVN, nếu tốc độ tăng trưởng GDP trung bình tiếp tục được duy trì ở mức 7,1%/năm thì nhu cầu điện sản xuất của Việt Nam vào năm 2020 sẽ là khoảng 200.000 GWh, vào năm 2030 là 327.000 GWh. Trong khi đó, ngay cả khi huy động tối đa các nguồn điện truyền thống thì sản lượng điện nội địa của chúng ta cũng chỉ đạt mức tương ứng là 165.000 GWh (năm 2020) và 208.000 GWh (năm 2030). Điều này có nghĩa là nền kinh tế sẽ bị thiếu hụt điện một cách nghiêm trọng, và tỷ lệ thiếu hụt có thể lên tới 20-30% mỗi năm. Nếu dự báo này của EVN trở thành hiện thực thì hoặc là Việt Nam phải nhập khẩu điện với giá đắt gấp 2-3 lần so với giá sản xuất trong nước, hoặc là hoạt động sản xuất của nền kinh tế sẽ rơi vào đình trệ, còn đời sống của người dân sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

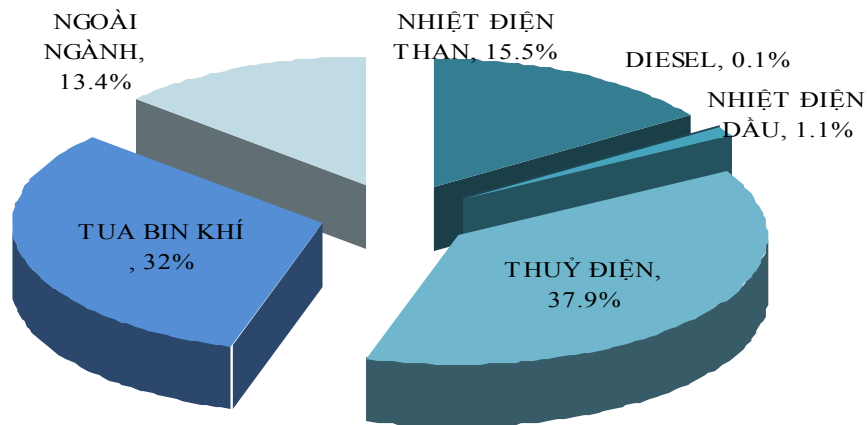
b/ Cơ cấu nguồn cung cấp điện

Tính đến cuối năm 2002, tổng công suất của tất cả các nhà máy điện hòa vào lưới điện Quốc gia đạt 8.749 MW với cơ cấu phân theo các nguồn phát điện như sau:

² Theo EVN

- Thủy điện : 4.115 MW (tương đương 46%)
- Nhiệt điện than : 1.215 MW (14%)
- Nhiệt điện dầu : 573 MW (7%)
- Gas Turbines (DO&Gas): 2.322 MW (27%)
- Dầu Diesel (DO) : 494 MW (6%)

Tổng lượng điện năng sản xuất bởi các nguồn cung cấp điện trong năm 2002 là 35,888 GWh, trong đó thủy điện chiếm 50,7%, nhiệt điện than chiếm 13,8%, nhiệt điện dầu chiếm 8,6%; Turbine (gas) chiếm 23,4% và dầu Diesel chiếm 3,5%.



CƠ CẤU ĐIỆN NĂNG

Nguồn: EVN (2001)

c/ Chiến lược phát triển ngành điện cho tới năm 2010, có định hướng tới năm 2020

Đề định hướng cho quá trình phát triển ngành điện Việt Nam, ngày 05 tháng 10 năm 2004 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định 176/2004/QĐ-TTG phê duyệt Chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004 - 2010, định hướng đến 2020 với một số nội dung cơ bản như sau:

- Phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện theo hướng hiện đại. Phát triển thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện nguyên tử, kết hợp trao đổi, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực. Trong đó, ưu tiên phát triển thủy điện, nhất là các công trình có lợi ích tổng hợp (cấp nước, chống lũ, chống hạn). Dự kiến đến năm 2010, tổng công suất các nhà máy thủy điện khoảng 10.000 - 12.000 MW. Trong khi đó, nhiệt điện than sẽ có tổng công suất khoảng 4.400 MW và nhiệt điện khí sẽ có tổng công suất khoảng 7.000 MW đến năm 2010.
- Khuyến khích các nhà đầu tư trong, ngoài nước tham gia xây dựng các công trình nguồn điện và lưới điện phân phối theo các hình thức đầu tư: nhà máy điện độc lập (IPP), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), hợp đồng xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT), liên doanh, công ty cổ phần... Tổng công ty Điện lực Việt Nam chỉ đầu tư những công trình phát điện có công suất từ 100 MW trở lên, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác đầu tư các công trình có công suất nhỏ hơn.
- Tăng cường quan hệ với các ngân hàng và các tổ chức tài chính quốc tế để vay vốn đầu tư, ưu tiên vay các nguồn vốn ODA có lãi suất thấp, thời gian trả nợ dài.
- Thực hiện cổ phần hoá, đa dạng hóa các loại hình sở hữu đối với các công ty trong ngành mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn, qua đó huy động vốn từ toàn xã

hội thông qua việc góp vốn mua cổ phần. Hai đơn vị đầu tiên thực hiện cổ phần hoá là Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thuộc Tổng công ty EVN với giá trị vốn là 2.000 tỷ đồng. Ngoài ra, EVN dự tính sẽ cổ phần hoá hàng loạt các nhà máy thủy điện như Thác Bà, Thác Mơ, Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, Uông Bí, Phả Lại, Ninh Bình và Bà Rịa từ nay đến năm 2010.

- Nghiên cứu tham gia thị trường chứng khoán, phát hành trái phiếu trong và ngoài nước để đầu tư các công trình điện.
- Từng bước hình thành thị trường điện cạnh tranh trong nước theo lộ trình 3 giai đoạn, tiến tới thị trường bán lẻ điện cạnh tranh trong đó người mua điện có quyền lựa chọn người bán điện và giá điện. Nhà nước sẽ chỉ giữ độc quyền khâu truyền tải, xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện lớn, các nhà máy điện nguyên tử.

d/ Tiềm năng thủy điện của nước ta và triển vọng phát triển ngành thủy điện

Việt Nam là một quốc gia được thiên nhiên ưu đãi có hệ thống sông ngòi phong phú, đa dạng trải khắp chiều dài đất nước nên rất thuận lợi cho việc phát triển thủy điện:

- Phía Bắc: Hệ thống sông Hồng bao gồm sông Đà và các nhánh sông Lô - Gâm - Chảy, hệ thống sông Mã và sông Cả (Đông Bắc);
- Miền Trung: Hệ thống sông Vũ Giá - Thu Bồn, sông Sê San và Srepok (cao nguyên miền Trung), sông Ba (duyên hải miền Trung);
- Phía Nam: Hệ thống sông Mê Kông, sông Đồng Nai.

Tổng lượng thủy năng dự trữ của Việt Nam trên lý thuyết đạt xấp xỉ 300 tỷ KWh/năm. Trong đó, lượng thủy năng thực tế có thể khai thác là khoảng 80.000 GWh/năm tức là tương đương với từ 18.000 MW đến 20.000 MW công suất. Phân bố lượng thủy năng có thể khai thác như sau: 64% nằm ở phía Bắc, 23% ở miền Trung và 13% nằm ở phía Nam. Tính tới thời điểm năm 2003, tổng công suất của các nhà máy thủy điện đã xây dựng là xấp xỉ 4.000 MW và các nhà máy đang xây dựng có tổng công suất gần 1.000 MW; hay nói cách khác mới chỉ có khoảng 1/4 tiềm năng thủy điện ở nước ta được khai thác để phục vụ sản xuất và dân sinh.

Theo kế hoạch phát triển ngành thủy điện từ nay tới năm 2010, nước ta sẽ xây dựng các dự án thủy điện Đại Ninh (300 MW), Sê San 3 (273 MW), Sê San 4 (340 MW), Pleikrông (110 MW), Srok Phu Miêng (52 MW), Na Hang (340 MW), Cửa Đạt (120 MW), A Vương 1 (170 MW), Bản Là (300 MW), An Khê (163 MW), Đồng Nai 3&4 (510 MW), Buôn Kuop (280 MW), đặc biệt là dự án thủy điện Sơn La ở phía Tây Bắc với tổng công suất từ 2400 - 3600 MW. Dự kiến tới năm 2010, tổng công suất lắp đặt các nhà máy thủy điện ở nước ta sẽ đạt từ 9.000 MW-10.000 MW và tới năm 2020 sẽ khai thác triệt để lượng công suất thủy điện có thể sử dụng ở nước ta.

Các thông số kỹ thuật kỹ thuật và thiết bị chính:

a/ Các thông số kỹ thuật chính

STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng
1	Công suất		
1.1	Công suất lắp máy	Mw	72,00
1.2	Số tổ máy	Tổ	3
1.3	Công suất mỗi tổ máy	Mw	24
1.4	Công suất trung bình	Mw	28,63
2	Điện lượng		
2.1	Điện lượng trong năm	10 ⁶ Kwh	313,90

2.2	Điện năng mùa kiệt	10 ⁶ Kwh	184,34
2.3	Điện năng mùa lũ	10 ⁶ Kwh	129,56
2.4	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	Giờ	4360
3	Lưu vực		
3.1	Diện tích lưu vực F _{lv}	Km ²	398
3.2	Lưu lượng bình quân năm	m ³ /s	17,7
4	Hồ chứa		
4.1	Mức nước dâng bình thường	m	435,0
4.2	Mức nước dâng gia cường	m	437,03
4.3	Mức nước chết	m	428,0
4.4	Dung tích toàn bộ	10 ³ m ³	2.099
4.5	Dung tích hữu ích	10 ³ m ³	1.376
4.6	Dung tích chết	10 ³ m ³	0.723
5	Lưu lượng nước		
5.1	Công trình tràn bên		
a	Lưu lượng xả lũ thiết kế tần suất P= 1%	m ³ /s	437
b	Lưu lượng xả lũ kiểm tra tần suất P= 0,2%	m ³ /s	1.304
5.2	Công trình tháo sâu		
a	Lưu lượng xả lũ thiết kế tần suất P= 1%	m ³ /s	2.497
b	Lưu lượng xả lũ kiểm tra tần suất P= 0,2%	m ³ /s	3.222
5.3	Lưu lượng qua nhà máy thủy điện		
a	Lưu lượng đảm bảo	m ³ /s	3,03
b	Lưu lượng phát điện	m ³ /s	27,72
6	Cột nước nhà máy		
6.1	Cột nước lớn nhất H _{max}	m	333,3
6.2	Cột nước nhỏ nhất H _{min}	m	299,4
6.3	Cột nước tính toán H _{tt}	m	301,8
6.4	Cột nước trung bình H _{tb}	m	322,1
7	Thời gian xây dựng công trình	năm	3,5
	Bắt đầu thi công hạng mục công trình chính		Quý III năm 2007
	Phát điện tổ máy số 1 và số 2		Quý II năm 2011
	Phát điện tổ máy số 3		Quý III năm 2011
8	Thời gian hoạt động của dự án	năm	40

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

b/ Các thiết bị công nghệ chính

Theo Thiết kế kỹ thuật của dự án, thiết bị sử dụng trong nhà máy thủy điện gồm 3 nhóm: Thiết bị cơ khí thủy lực; thiết bị cơ khí thủy công; các thiết bị điện.

- **Thiết bị cơ khí thủy lực:**

 *Thiết bị chính:*

- Tua bin Francis trục đứng, buồng xoắn kim loại, ống hút cong. Công suất trên trục 24,74MW; số lượng 3 tuabin.
- Máy điều tốc
- Bơm dầu với áp suất vận hành bình thường là 63kg/cm²
- Van trước tuabin có đường kính trong 1300mm
- Máy phát điện và hệ thống kích thích
- Cầu trục gian máy với sức nâng 75/20+5 tấn.

 *Thiết bị phụ:*

- Hệ thống cấp nước kỹ thuật
- Hệ thống cơ sở dầu
- Hệ thống cơ sở khí nén

- **Thiết bị cơ khí thủy công:**

- Thiết bị cơ khí đập tràn
- Thiết bị cơ khí cửa nhận nước.
- Thiết bị cơ khí hạ lưu nhà máy
- Thiết bị cơ khí dẫn dòng thi công.

- **Thiết bị điện**

- Phương án đấu nối nhà máy vào lưới điện quốc gia: dự kiến điện được phát lên lưới 110KV tại trạm Lào Cai, chiều dài đường dây khoảng 24km.
- Hệ thống điều khiển, hệ thống rơle bảo vệ và đo lường, chiếu sáng điện, hệ thống nối đất và chống sét toàn thân đập đã được đơn vị tư vấn đề cập đến

- **Phương án đấu nối điện của nhà máy vào lưới điện quốc gia**

Theo công văn số 4337/CV-EVN-TĐ ngày 17/08/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thỏa thuận phương án đấu nối Nhà máy thủy điện Ngòi Phát vào Hệ thống điện Quốc gia, phương án truyền tải điện từ Nhà máy thủy điện Ngòi Phát đến Hệ thống điện Quốc gia bằng đường dây 110kV mạch đơn từ Trạm biến áp 110 kV Ngòi Phát đến Trạm cắt 110kV Lào Cai 2 (dây AC240), chiều dài dự kiến 24 km.

c/ Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư khái toán: **1.457.289.552.540 đồng**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (VND)
1	Chi phí đầu tư xây dựng	681.459.288.646
2	Chi phí đầu tư máy móc, thiết bị	439.672.271.162
3	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	16.778.325.476
4	Chi phí quản lý dự án	12.370.499.125
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	48.805.978.809
6	Chi phí khác (bao gồm cả lãi vay)	137.173.230.000
7	Chi phí dự phòng	121.029.959.322
	Tổng cộng	1.457.289.552.540

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

d/ Hiệu quả đầu tư

• **Các giả định tính toán**

Theo Hồ sơ thiết kế kỹ thuật của dự án Thủy điện Ngòi Phát do Đơn vị tư vấn lập đã được phê duyệt, các yếu tố giả định để tính toán hiệu quả đầu tư dự án như sau:

- Giá bán điện (theo hợp đồng đã ký với EVN): 603 đồng/ kWh (giá chưa kể VAT).
- Vòng đời dự án: 40 năm
- Chi phí vận hành và bảo dưỡng (O&M) bằng 1% vốn đầu tư
- Tổn thất tự dùng được tính bằng 1% sản lượng điện hàng năm của nhà máy

• **Các chỉ tiêu kinh tế**

- Giá trị hiện tại ròng (NPV): 275,77 tỷ đồng
- EIRR: 12,85 %
- B/C : 1,28

• **Các chỉ tiêu tài chính**

- NPV : 74,2 tỷ đồng
- FIRR: 10,69 %
- B/C : 1,06
- Thời gian hoàn vốn của dòng tiền (chưa có chiết khấu): 11 năm

Phương thức kinh doanh

Tiến độ thi công dự kiến là 35 tháng, trong đó:

- Phát điện tổ máy 1 và 2 vào quý II/2011, tổ máy 3 vào quý III/2011.
- Dự án thủy điện Ngòi Phát do Công ty NEDI2 làm Chủ đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Tổng sơ đồ 6 - Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia, đây là dự án nằm trong chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia và khi đi vào vận hành sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng của tỉnh Lào Cai và cả khu vực Tây Bắc nói chung.

- NEDI2 đã có thỏa thuận với EVN về việc bán điện. Mặt khác theo định hướng của Chính phủ, tất cả các doanh nghiệp kinh doanh nguồn điện đều phải hướng tới thị trường điện cạnh tranh trong tương lai. Với đặc thù của ngành điện (cung nhỏ hơn cầu), yếu tố đầu ra của NEDI2 luôn được đảm bảo.

Thuận lợi và khó khăn đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát

a/ Thuận lợi

- Điều kiện tự nhiên thuận lợi: diện tích toàn bộ lưu vực tương đối lớn: 512 km² với lượng mưa phong phú 2.380 mm; Điều kiện địa chất tại tuyến đập, tuyến đường dẫn và khu vực nhà máy tốt, sơ đồ bố trí công trình gọn, đập có chiều cao thấp, tuyến đường dẫn là hầm nằm trong vùng đá tươi, chắc chắn nên ổn định trong quá trình vận hành và quản lý công trình sau này.
- Đường thi công tới các hạng mục công trình chính như nhà máy, đập rất thuận lợi, chi phí cho thi công không lớn. Ảnh hưởng khi xây dựng nhà máy tới môi trường, di dân, tái định cư là rất nhỏ. Toàn bộ chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư là 16 tỷ, chiếm khoảng 1% Tổng mức đầu tư công trình.
- Một lợi thế trong việc đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát, đó là việc đăng ký phát triển dự án thủy điện Ngòi Phát trở thành dự án Cơ chế phát triển sạch (CDM). Năm 2008, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền quốc gia về CDM (Bộ Tài nguyên môi trường) cấp thư phê duyệt dự án Thủy điện Ngòi Phát phát triển theo đề xuất thành dự án CDM. Hiện nay, Chủ đầu tư đã hoàn tất việc ký kết Hợp đồng mua bán chứng chỉ giảm phát thải (EPRA) với đại diện bên mua (tập đoàn PNB Paribas SA và Carbon Resource Management SA), đồng thời hồ sơ thẩm định dự án đã hoàn thành bởi tổ chức TUV Rheinland Singapore Pte.Ltd được Liên Hợp quốc chỉ định và hiện đã trình Liên hợp quốc (EB) là cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua.
- Với tiến trình trên, sau khi dự án thủy điện Ngòi Phát đi vào vận hành từ năm 2011, Chủ dự án sẽ có thêm một khoản thu nhập (ngoài thu nhập từ bán điện hàng năm cho EVN) khoảng 2,5 triệu Euro/năm, tương đương 65 tỷ đồng/năm từ việc bán chứng chỉ phát thải cho người mua. Trong phần tính toán hiệu quả tài chính của dự án, thu nhập này chưa được đưa vào. Vì vậy, nếu thu nhập này trở thành hiện thực, hiệu quả tài chính của dự án có thể cao hơn.
- Dự án thủy điện Ngòi Phát có công suất thiết kế là 72MW, đã được EVN thỏa thuận phương án đấu nối vào hệ thống điện quốc gia (Trung tâm điều độ Quốc gia quản lý). Vì vậy, thị trường của dự án không bị bó hẹp trong phạm vi tỉnh Lào Cai. Mặt khác, dự án có công suất ở tầm trung nên việc ngắt ra khỏi đấu nối tại những thời điểm thừa điện sẽ xảy ra ít hơn (hiện tại, những dự án có qui mô vừa và nhỏ có hạn chế này).
- Cơ chế mua điện của EVN đang được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện theo hướng thị trường để khuyến khích đầu tư.

b/ Khó khăn

- Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện đòi hỏi quy mô vốn lớn và thời gian thu hồi vốn dài.
- Vận hành nhà máy thủy điện phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố tự nhiên, yếu tố thời tiết.
- Góp vốn trong thời gian đầu triển khai thực hiện dự án thủy điện, cổ đông sẽ không được nhận cổ tức. Do đó, việc huy động vốn cổ đông tương đối khó khăn nhất là với cổ đông có chiến lược đầu tư ngắn hạn.

Qua đánh giá các chỉ tiêu kinh tế, tài chính cho thấy dự án thủy điện Ngòi Phát có tính khả thi cao, nếu xây dựng hoàn thành sẽ đem lại hiệu quả kinh tế rất cao và góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng của Lào Cai nói riêng và cả khu vực Tây Bắc nói chung.

5.1.2. Dự án Khu Đô thị - Thương mại Thủy Hoa

a/ Giới thiệu chung

- Tên dự án: Khu Đô thị - Thương mại Thủy Hoa, TP Lào Cai
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2)
- Đơn vị lập dự án: Công ty Tư vấn VINACONEX R&D
- Địa điểm xây dựng: Đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.
- Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích đất là: 5.165,2 m²

b/ Sự cần thiết và mục đích đầu tư

- Thành phố Lào Cai là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và khoa học kỹ thuật của Tỉnh Lào Cai. Với vị trí địa lý tự nhiên thuận lợi, thành phố Lào Cai là thành phố duy nhất trong cả nước nằm ngay sát đường biên giới, ở ngã ba sông Hồng và sông Nam Thi. Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai có vị trí địa kinh tế, địa chính trị đặc biệt trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh- Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng, đồng thời là cầu nối, cửa ngõ không chỉ của Việt Nam mà cả các nước ASEAN với thị trường Vân Nam và Miền Tây Trung Quốc trong khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA), nằm ở trung tâm của hành lang Bắc Nam trong khu vực hợp tác các nước tiểu vùng sông Mê Kông (GMS)
- Hiện tại, lợi thế của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai chưa được khai thác một cách có hiệu quả do thiếu những điều kiện về cơ sở vật chất hạ tầng cần thiết tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.
- Việc đầu tư xây dựng dự án đô thị - thương mại Thủy Hoa tại đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai góp phần hình thành một trung tâm xúc tiến, kinh doanh thương mại hiện đại, cung cấp thông tin giữa các doanh nghiệp Việt Nam, Trung Quốc và các nước khác; tạo ra không gian làm việc hiện đại đáp ứng nhu cầu về văn phòng đại diện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động tại Lào Cai...; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương, mang lại có hiệu quả kinh tế cao cho Chủ đầu tư.



c/ Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Tổng mặt bằng dự án là 5165,2 m² được chia làm 3 khu A, B, C. Các khu có các chức năng và thông số như sau:

Khu A: Có vị trí ở gần mặt đường Thủy Hoa, dành để xây dựng khối nhà văn phòng, nhà ở 15 tầng và khối thương mại 5 tầng. Các thông số kỹ thuật khu A như sau:

- Diện tích đất : 2.594 m²
- Diện tích xây dựng : 1.770 m²
- Mật độ xây dựng : 68,2%
- Tổng diện tích sàn : 13.290m² + 2.700 m² + 1.020 m² = 17.010 m²

Trong đó:

- Khối văn phòng, nhà ở 15 tầng:

- Diện tích xây dựng : 950 m²
- Tổng diện tích sàn : 13.290 m²
- Tổng diện tích khu văn phòng : (950 m² x 5 tầng) = 4.750 m²
- Tổng diện tích căn hộ cho thuê : (854 m² x 3 tầng) = 2.562 m²
- Tổng diện tích căn hộ bán : (854 m² x 7 tầng) = 5.978 m²

- Khối thương mại 5 tầng:

- Diện tích xây dựng : 480 m²
- Tổng diện tích sàn : 2.700 m²
- Tổng diện tích khu thương mại : (480 m² x 5 tầng) = 2.400 m²
- Tổng diện tích tầng mái : 300 m²

- Khối nhà cầu:

- Diện tích xây dựng : 340 m²
- Tổng diện tích sàn : (340 m² x 3 tầng) = 1.020 m²

Khu B: Nằm sau khối thương mại, dành để xây dựng khu biệt thự nhà vườn với số lượng 6 căn. Các thông số kỹ thuật khu B như sau:

- Diện tích đất : 840 m²
- Số lượng biệt thự : 6 căn
- Diện tích xây dựng : (90 m² x 6 căn) = 540 m²
- Tổng diện tích sàn : (90 m² x 6 căn x 3,5 tầng) = 1.890 m²
- Mật độ xây dựng : 64%

Khu C: Nằm sau khối nhà ở, văn phòng 15 tầng để xây dựng khu nhà chia lô, số lượng 8 căn. Các thông số kỹ thuật khu C như sau:

- Diện tích đất : 600 m²
- Số lượng nhà chia lô : 8 căn
- Diện tích xây dựng : (69,5 m² x 8 căn) = 556 m²
- Tổng diện tích sàn : (69,5 m² x 8 căn x 3,5 tầng) = 1.946 m²
- Mật độ xây dựng : 92,7%

- Loại, cấp công trình:
 - Công trình thuộc nhóm công trình xây dựng dân dụng;
 - Công trình thuộc cấp II;
- Phân kỳ đầu tư dự án: Dự án dự kiến thực hiện trong 36 tháng, 2 giai đoạn:
 - Giai đoạn 1 (thực hiện trong vòng 12 tháng): Xây dựng khu nhà chia lô, khu nhà biệt thự và tòa nhà thương mại 5 tầng;
 - Giai đoạn 2 (thực hiện trong vòng 24 tháng): Xây dựng khối nhà văn phòng và chung cư 15 tầng.
- Tổng đầu tư dự án (đã bao gồm thuế GTGT): **114.142.097.000 VND**, trong đó:
 - Chi phí xây dựng : 73.358.052.350 đồng
 - Chi phí thiết bị : 10.530.727.726 đồng
 - Chi phí tiền đất, đền bù GPMB : 7.607.300.000 đồng
 - Chi phí quản lý và chi phí khác : 7.415.862.065 đồng
 - Chi phí dự phòng : 9.130.464.214 đồng
 - Lãi vay trong thời gian xây dựng : 6.099.690.230 đồng

d/ Hiệu quả đầu tư

Các giả thiết và dự kiện ban đầu:

Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi do Đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) lập, thì các giả thiết và dự kiện ban đầu để tính toán hiệu quả đầu tư dự án Khu Đô thị và Thương mại Thuỷ Hoa như sau:

- Thời điểm bắt đầu phân tích dự án: Tháng 07/2006. Dự án được phân tích trong 25 năm đầu hoạt động; mức giá cho thuê tính bằng lũy tiến với tỷ lệ 7%/năm.
- Lãi suất vay dài hạn ngân hàng được tính là 12%/năm.
- Dự án nằm trong danh mục nhóm B - địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, dự án được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 tiếp theo.
- Khi phân tích dự án không tính đến thuế sử dụng đất: Khi dự án đi vào hoạt động, Chủ đầu tư sẽ thực hiện phân bổ cụ thể cho các Khách hàng thuê diện tích.
- Giá bán:
Các hạng mục nhà thấp tầng:
 - Nhà chia lô xây thô: 3.840.000 đồng/m²
 - Biệt thự nhà vườn xây thô: 5.370.000 đồng/m²
 - Căn hộ chung cư cao cấp: 6.120.000 đồng/m²
- Giá cho thuê:
Khối nhà thương mại dịch vụ 5 tầng
 - Giá thuê diện tích tầng trệt: 6,87USD/m²/tháng
 - Giá thuê diện tích tầng 2, 3, 4,5: 5,72USD/m²/tháng
 - Giá thuê diện tích tầng mái: 4,5USD/m²/tháng

Khối nhà văn phòng kết hợp chung cư cao cấp 15 tầng

- Giá thuê diện tích tầng trệt: 6,87USD/m²/tháng
- Giá thuê diện tích tầng 2, 3, 4, 5: 5,72USD/m²/tháng
- Giá thuê diện tích tầng kỹ thuật: 5,15USD/m²/tháng
- Giá thuê căn hộ tầng 6-8: 4,58USD/m²/tháng

- Chi phí hàng năm:

- Chi lương: 7,5% doanh thu cho thuê
- Chi phí sửa chữa hàng năm: 2% doanh thu cho thuê
- Chi phí vận hành thường xuyên: 1% doanh thu cho thuê
- Chi phí năng lượng; 4,5% doanh thu cho thuê

- Chi phí khấu hao:

- Dự án được phân tích hiệu quả tài chính trong 25 năm. Khấu hao được tính trong 20 năm cho khối nhà 5 tầng và cho khối nhà 15 tầng.

e/ Hiệu quả tài chính dự án:

- Tỷ suất sinh lời nội tại (IRR) : 15,25%
- Giá trị hiện tại ròng (NPV) : 5.126.175.013 đồng
- Thời gian thu hồi vốn : 16 năm

Thuận lợi và khó khăn trong việc đầu tư dự án khu đô thị Thủy Hoa

Thuận lợi:

- Vị trí địa lý và khả năng khai thác với hiệu quả cao của dự án là khả thi. Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai có vị trí địa kinh tế, địa chính trị đặc biệt trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh- Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng, đồng thời là cầu nối, cửa ngõ không chỉ của Việt Nam mà cả các nước ASEAN với thị trường Vân Nam và Miền Tây Trung Quốc trong khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA), nằm ở trung tâm của hành lang Bắc Nam trong khu vực hợp tác các nước tiểu vùng sông Mê Kông (GMS)
- Việc đầu tư xây dựng dự án góp phần khai thác tiềm năng giao dịch thương mại và du lịch của thành phố cửa khẩu Lào Cai, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho dân cư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Lào Cai.
- Phương thức kiến trúc, kỹ thuật của dự án có ưu điểm về tổ hợp hình khối, sự rõ ràng của các chức năng,.. ; đáp ứng được mục tiêu kinh doanh của Chủ đầu tư và phù hợp với chủ trương của tỉnh Lào Cai.

Khó khăn:

- Công ty NEDI2 hiện nay đang trong giai đoạn đầu tư lớn dự án thủy điện Ngòi Phát (tổng mức đầu tư 1.457 tỷ đồng), do đó việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án là khó khăn về các nguồn lực: con người, vốn đầu tư,
- Mặc dù thành phố Lào Cai là đô thị loại III, với diện tích khoảng 200 km², mật độ dân số không cao, khoảng hơn 100.000 nghìn người, nhưng tốc độ đô thị hoá chưa cao. Nhìn chung nhu cầu về thị trường văn phòng làm việc, căn hộ chung cư cao cấp tại thành phố Lào Cai trong thời gian qua tăng chưa mạnh do điều kiện cơ sở hạ tầng và kinh tế xã hội chưa có biến đổi rõ rệt.

5.2. Tình hình kiểm tra chất lượng công trình

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

- Hệ thống quản lý chất lượng Công ty NEDI2 đang áp dụng và lưu hành theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2000, thời điểm bắt đầu áp dụng là 10/09/2007.
- Tác dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:
 - Công ty đã thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản để kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh với tiêu chí chứng tỏ khả năng cung cấp một cách ổn định sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và các yêu cầu chế định phù hợp.
 - Nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng thông qua việc áp dụng có hiệu lực của hệ thống đó, bao gồm cả các quá trình cải tiến liên tục của hệ thống bằng các việc làm cụ thể như: tăng năng suất, giảm thời gian, tiết kiệm chi phí... và hướng tới mục tiêu đảm bảo tốt nhất các yêu cầu của khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Ngày 28/08/2007, Ban chỉ đạo ISO 9000 của Công ty được thành lập theo Quyết định số 103/QĐ/NEDI2-TCLĐ của Giám đốc Công ty NEDI2, chức năng nhiệm vụ của Ban chỉ đạo ISO:

- Công tác chặt chẽ với cơ quan tư vấn về các vấn đề đào tạo, xây dựng và áp dụng thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 trong Công ty.
- Triển khai, thực hiện các qui định và qui chế trong hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với các bộ phận trong Công ty để ban hành và triển khai thực hiện hệ thống, đào tạo nhân viên để hiểu rõ về hệ thống đang thực hiện.
- Xây dựng hệ thống văn bản để tiến hành hoàn thành thủ tục nộp đơn xin chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9000.
- Duy trì và hoàn thiện hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực kể cả sau khi có chứng nhận ISO 9000.

5.3. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký sáng chế và bản quyền

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)

- Nhãn hiệu, logo:



- Slogan: **“Tỏa sáng những tiềm năng”**

Tên phát minh, sáng chế, bản quyền	Số đăng ký/ngày	Cơ quan cấp	Thời gian bảo hộ	Phạm vi bảo hộ
<u>Slogan:</u> “Tỏa sáng những tiềm năng”	Số 4-2008-19715 ngày 15/09/2008	Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam		

5.4. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

STT	Nội dung Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (tỷ VNĐ)	Đối tác ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
I Dự án thủy điện Ngòi Phát				
1	Gói thầu TV 05: “Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán”. HĐ số 173-07 ngày 02/04/2007.	11,3	Công ty tư vấn Đại học Xây dựng	2007-2008
2	Gói thầu TV 06: “Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán”. HĐ số 736 ngày 17/11/2007	7,5	Công ty tư vấn Đại học Xây dựng	2007-2011
3	Gói thầu TV01-3: “Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị”	5,6	Công ty CP CONINCO	2007-2011
4	Gói thầu XD 03: “Thi công hồ móng cụm đầu mối giai đoạn 1”. HĐ số 09/NEDI2-HĐKT ký ngày 31/05/2008	22,5	Công ty CP VIMECO	2008-2010
5	Gói thầu XD 03: “Thi công Hồ móng cụm đầu mối giai đoạn 2”. HĐ số 04/NEDI2-HĐKT ký ngày 17/03/2010	29	Công ty CP VIMECO	2010-2011
6	Gói thầu XD04: “Thi công Cống dẫn dòng”; HĐ số 07/NEDI2-HĐKT ký ngày 29/04/2009	3,8	Công ty Vinaconex 7	2009-2010
7	Gói thầu XD04: “Thi công đập và cửa nhận nước: Đổ bê tông đến cao trình 422,5m”; HĐ số 07/NEDI2-HĐKT ký ngày 23/03/2010	25,9	Công ty Vinaconex 7	2010
8	Gói thầu XD 05: “Thi công hầm dẫn nước đoạn Km0+45 đến Km1+305”. HĐ số 09 ký ngày 19/05/2009.	30,7	Công ty CP VIMECO	2009-2010
9	Gói thầu XD 06: “Thi công hầm dẫn nước đoạn Km 1+305 đến Km 3+011”. HĐ số 18 ký ngày 22/09/2009.	39	Công ty CP VIMECO	2009-2010
10	Gói thầu XD 07: “Thi công hầm dẫn nước đoạn Km 3+011 đến Km 4+ 309”. HĐ số 19 ký ngày 31/12/2008”	25,3	Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm (VINAVICO)	2008-2010
11	Gói thầu XD 08: “Thi công hầm dẫn nước đoạn Km 4+916,6 đến Km7+004”. HĐ số 10 ký ngày 19/05/2009	42,4	Công ty CP VIMECO	2009-2011

12	Gói thầu XD 09: "Thi công hầm áp lực". HĐ số 13 ngày 30/06/2009	7.769.697 USD tương đương 147,6 tỷ VNĐ	Công ty TNHH xây dựng và lắp đặt thủy điện Triết Giang (Trung Quốc)	2009-2010
13	Gói thầu XD 10: "Thi công Hồ móng nhà máy giai đoạn 1". HĐ số 08 ngày 10/4/2008.	12,6	Công ty CP Vinaconex 11	2008-2009
14	Gói thầu XD 10: "Thi công Hồ móng nhà máy giai đoạn 2". HĐ số 12A ngày 27/6/2009.	3,6	Công ty CP Vinaconex 11	2009-2010
15	Gói thầu XD10: "Thi công bê tông và hoàn thiện nhà máy"	1.850.000 USD tương đương 35,5 tỷ VNĐ	Công ty TNHH xây dựng và lắp đặt thủy điện Triết Giang (Trung Quốc)	2010-2011
16	Gói thầu TB 02: "Cung cấp lắp đặt thiết bị cơ điện đồng bộ và các dịch vụ kỹ thuật"	15.350.000 USD tương đương 292 tỷ VNĐ	Công ty Andritz Hydro Private Limited (Ấn Độ)	2009-2011
17	Gói thầu TB 01: "Cung cấp lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công và các dịch vụ kỹ thuật"	32,4	Công ty LiLama 3	2009-2011
18	Gói thầu XD 12-2: "Xây dựng đường dây 110kV mạch kép" đầu nối Thủy điện Ngòi Phát vào hệ thống điện Quốc Gia	17,5	Liên danh Công ty xây lắp điện 4 - Công ty XDCT Tuấn Vũ	2010-2011
II	Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa			
1	Lập dự án đầu tư xây dựng công trình khu ĐT-TM Thủy Hoa	0,3	Công ty tư vấn VINACONEX R&D	2006-2007
2	Gói thầu "san nền, tường rào và cổng"	0,9	Công ty TNHH Hoàng Anh	2007
3	Gói thầu "TK bản vẽ thi công và dự toán giai đoạn 1" công trình khu ĐT - TM Thủy Hoa. HĐ số 19/NEDI2 ngày 12/10/2009	0,5	Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam	2009

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

6. Kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của NEDI2 trong năm 2009

Năm 2009, Công ty đã nỗ lực khai thông các điều kiện cần thiết để tiếp tục triển khai thực hiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, đây là cơ hội giúp công ty có sức bật, là động lực quan trọng để NEDI2 hoàn thiện hệ thống quản lý điều hành theo định hướng tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh, xây dựng phong cách, tác phong làm việc chuyên nghiệp, ứng dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại trong công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra giá trị cho Công ty, khách hàng, các cổ đông.

Mặt khác, do tính chất phức tạp của dự án đầu tư có quy mô lớn, thời gian xây dựng dài, liên quan đến nhiều cấp quản lý Nhà nước và nhiều đối tác khác nhau trong quá trình xây dựng

trong khi các quy định pháp luật về lĩnh vực đầu tư và xây dựng cơ bản còn nhiều điểm chưa hoàn thiện, vì thế còn ảnh hưởng không nhỏ đến công tác triển khai các dự án đầu tư.

Mặc dù vậy, năm 2009 là năm đầu tư hiệu quả của NEDI2 và các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, các mục tiêu quan trọng theo kế hoạch: Hoàn thiện hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng thương hiệu NEDI2 và khẳng định hiệu quả của dự án đầu tư (dự án thủy điện Ngòi Phát và dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa), đẩy mạnh triển khai thi công các hạng mục công trình chính tại hai dự án. Những hoạt động trên đã góp phần nâng cao vị thế của NEDI2 trong quan hệ với các đối tác và khách hàng, từng bước phấn đấu xây dựng NEDI2 trở thành một doanh nghiệp có uy tín và vị thế trong lĩnh vực thủy điện và xây dựng.

6.2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2009

Những thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009

Năm 2009 là năm có nhiều diễn biến phức tạp của tình hình tài chính trong và ngoài nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam. Tình hình giảm phát toàn cầu đã tác động đến sự phát triển nền kinh tế Việt Nam và các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, nhờ các chính sách hỗ trợ kinh tế của Chính phủ Việt Nam như: chính sách hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, giảm thuế giá trị gia tăng đầu ra cho một số loại mặt hàng trong đó có kích cầu xuất khẩu, miễn thuế thu nhập cá nhân,... nền kinh tế Việt Nam đã tiếp tục đứng vững và từng bước vượt qua khủng hoảng kinh tế đặc biệt từ quý III/2009.

Đối với ngành xây dựng năm 2009, sản lượng xây dựng toàn ngành ước đạt trên 100 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2008. Thị trường bất động sản ảm đạm, thị trường vật liệu xây dựng cơ bản ổn định với mức lãi suất hấp dẫn do được sự hỗ trợ của Chính phủ... Đối với Công ty NEDI 2, quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2009 đã gặp những khó khăn, thuận lợi như sau:

Thuận lợi:

- Chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tiếp cận nguồn vốn và tăng hiệu quả đầu tư cho dự án.
- Lĩnh vực thầu xây lắp giữ ổn định do các hợp đồng đã ký đều xác định nguồn vốn và không có tác động lớn về giá vật tư, vật liệu đầu vào.

Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới đang từng bước hồi phục, thị trường tài chính, tín dụng, tiền tệ có nhiều khả quan hơn nhưng chưa thực sự ổn định, điều này làm ảnh hưởng đến việc huy động vốn đầu tư cho dự án của Chủ đầu tư.
- Mặt trái của chính sách kích cầu chính là sự nới lỏng chính sách tiền tệ, xuất hiện tình trạng lạm phát, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước phải giới hạn tốc độ tăng trưởng tín dụng. Do vậy, nảy sinh tình trạng thiếu vốn tín dụng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng thanh toán của Chủ đầu tư cho Nhà thầu.
- Vấn đề điều hành tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ kém linh hoạt, cung ngoại tệ mất cân đối, khiến đơn vị gặp khó khăn nhất là gói thầu lớn phải vay vốn ngoại tệ.

Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch chủ yếu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Giá trị thực hiện đầu tư năm 2009
Kết quả thực hiện đầu tư dự án		168,82
1	Thủy điện Ngòi Phát	168,14
2	Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	0,68

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

Các nhiệm vụ chính đã thực hiện trong năm 2009

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 và kế hoạch đấu thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tình hình thực hiện các mục tiêu của công ty trong đến năm 2009 như sau:

Dự án Thủy điện Ngòi Phát

a. Công trình chính:

- Hàm dẫn nước: (thi công từ Km0+45 đến Km7+004,47), khối lượng đào đạt 1920m/6959,5m dài hầm
- Hàm áp lực: khối lượng đào đạt 635m/1159,64 mét dài hầm
- Đào xúc đất, đá ngoài hồ các loại:
 - + Hồ móng đập đầu mỗi giai đoạn 1: khối lượng đào xúc đất đá đạt 84.078m³;
 - + Thi công hồ móng tháp điều áp phần hồ trên cao độ 437m, khối lượng đào xúc đất đá đạt: 91.143 m³, hồ móng khuỷu cong 1 và 3: khối lượng đào xúc đất đá đạt: 134.538 m³,
 - + Hồ móng nhà máy đã hoàn thành giai đoạn 1 và 2, khối lượng đào xúc đất đá đạt: 292.624 m³
- Công tác bê tông: Đổ bê tông cống dẫn dòng, tường trọng lực đạt 2.300 m³
- Đường dây tải điện 110 kV đấu nối nhà máy vào lưới điện quốc gia dài 15,4 Km mạch kép: Đã ký hợp đồng với nhà thầu từ tháng 11/2009, dự kiến hoàn thành tháng 6/2010.

b. Công trình phục vụ:

- Cơ bản đã hoàn thành toàn bộ hầm phụ thi công (khối lượng đào đạt 1.019/1019m³); hoàn thành toàn bộ các tuyến đường phục vụ thi công trên công trường: Đường vào nhà máy, đường vào tuyến Đập, đường TC4, đường San Bang - Mường Vi, đường sang vai phải, vai trái đập,...
- Cơ bản hoàn thành việc quy hoạch và xây dựng các vị trí lán trại, phụ trợ trên công trường (nhà ở cán bộ, công nhân, kho xưởng, kho mìn, trạm trộn bê tông,...);

c. Các gói thầu thiết bị:

Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu, đàm phán, thương thảo và ký hợp đồng các gói thầu thiết bị của dự án, cụ thể:

- + Gói thầu cung cấp thiết bị cơ khí thủy công: Hợp đồng ký từ tháng 10/2009 với nhà thầu Công ty cổ phần Lilama 3;
- + Gói thầu cung cấp thiết bị cơ điện: Hợp đồng ký từ tháng 10/2009 với nhà thầu Công ty Andritz Hyrdo Private Limited (Ấn Độ).

✓ Các công việc khác:

- Việc đăng ký phát triển dự án thủy điện Ngòi Phát trở thành dự án CDM: Từ năm 2008, Dự án đã được Cơ quan thẩm quyền Quốc gia về CDM (Bộ Tài nguyên và Môi trường)

cấp Thư phê duyệt cho dự án phát triển theo đề xuất thành dự án CDM. Hiện nay, NEDI 2 đã hoàn thành việc ký kết hợp đồng mua bán chứng chỉ giảm phát thải (ERPA) theo cơ chế CDM với đại diện bên mua (Carbon Resource Management SA), đồng thời hồ sơ thẩm định dự án đã hoàn thành bởi Tổ chức TUV Rheinland Singapore Pte.Ltd được Liên Hiệp Quốc chỉ định và hiện đã trình Liên Hợp Quốc (EB) là cấp có thẩm quyền để xem xét, thông qua. Dự kiến, dự án sẽ được đăng ký thành công với EB để trở thành dự án CDM trong quý II/2010;

- Công tác giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở phương án tổng thể đền bù và giải phóng mặt bằng của dự án được UBND huyện Bát Xát phê duyệt tháng 10/2007, công tác đền bù và giải phóng mặt bằng được triển khai theo từng giai đoạn, giá trị thực hiện đền bù từ đầu công trình ước đạt trên 60% tổng giá trị đền bù và GPMB;
- Bảo đảm công tác an toàn, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự trên công trường.
- Thực hiện việc chặn dòng dự án thủy điện Ngòi Phát ngày 22/01/2010.

Dự án Khu đô thị Thương mại Thủy Hoa

- Năm 2009, bắt đầu triển khai thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thực hiện đầu tư giai đoạn 1 của dự án.
- Tiếp xúc và đàm phán với các tổ chức tín dụng và chuẩn bị các điều kiện về nguồn vốn thực hiện đầu tư trong năm tiếp theo.

6.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2009

Tóm tắt kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm	Quý 1/ 2010
Tổng giá trị tài sản	173.946	355.321	104,2%	400.170
Doanh thu thuần	0	0	-	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	174	222	27,5%	366
Lợi nhuận khác	(174)	(222)	-	(366)
Lợi nhuận trước thuế	0	0	-	0
Lợi nhuận sau thuế	0	0	-	0
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, BCTC quý 1/2010)

- Năm 2008, 2009, quý 1/2010 hoạt động chủ yếu của Công ty là đầu tư xây dựng dự án: Thủy điện Ngòi Phát và Khu đô thị Thương mại Thủy Hoa. Do vậy, hoạt động kinh doanh của Nedi2 trong năm 2008, 2009 chưa có Doanh thu và lợi nhuận.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Nedi2 trong năm 2008, 2009, quý 1/2010 là khoản thu được từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi).
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Nedi2 chưa có lợi nhuận. Do vậy, Công ty chưa trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2008, 2009.

6.4. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của công ty trong năm 2009

6.4.1 Các nhân tố thuận lợi

Khách quan

- Năm 2008, 2009 là một năm rất khó khăn cho ngành xây dựng nói chung và xây dựng điện nói riêng vì tình hình khủng hoảng kinh tế. Trong năm 2010, Chính phủ tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là chủ trương phát triển năng lượng trong

đó có ngành điện, đây là một lợi thế rất lớn của Công ty.

- Xây dựng thủy điện tại Việt Nam vẫn còn rất nhiều tiềm năng phát triển với điều kiện thuận lợi là tài nguyên nước, hệ thống sông hồ của Việt Nam nhiều với lưu lượng nước lớn, rất thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng các công trình thủy điện trên cả nước, phát triển ngành điện.
- Năm 2009, Tình hình kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi, ổn định, các chỉ tiêu về lạm phát, giá cả đã trở lại bình ổn, thậm chí thấp hơn mức chi phí trung bình, đặc biệt là giá nguyên vật liệu xây dựng, hoạt động đầu tư xây dựng dự án của công ty sẽ đáp ứng được tiến độ đã đặt ra.

Chủ quan

- Là một thành viên của Tổng Vinaconex, và với một nguồn vốn lớn (500 tỷ), các cổ đông là những đơn vị, công ty hoạt động trong cùng ngành xây dựng, những tổ chức tài chính (BIDV), chứng khoán (SMES),...NEDI2 sẽ khẳng định trên thị trường xây dựng nói chung và trong lĩnh vực thủy điện nói riêng.
- Dự án đầu tư của Công ty (thủy điện Ngòi Phát; Khu đô thị Thương mại Thủy Hoa) đã và đang tiến hành đầu tư triển khai thực hiện đúng tiến độ, dự kiến sẽ sớm đem lại hiệu quả, doanh thu cao cho Công ty khi đi vào hoạt động.
- Các dự án của NEDI2 đều là các dự án được Nhà nước, UBND tỉnh Lào Cai quan tâm, được ưu đãi, có lợi thế trong việc huy động vốn đầu tư và ưu đãi về lãi suất vay.
- Bên cạnh đó, với mô hình công ty cổ phần, Công ty đã năng động hơn trong sản xuất kinh doanh, đón bắt một cách nhanh chóng và chính xác các cơ hội đầu tư và kinh doanh. Thuận lợi này đã phát huy tác dụng, thể hiện trong các dự án đầu tư và phát triển của Công ty trong hiện tại và trong các dự án đang và sẽ tiến hành.

6.4.2 Các nhân tố khó khăn

Khách quan

- Khủng hoảng kinh tế tài chính và suy thoái toàn cầu vẫn đang là mối lo tiềm ẩn có ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp tới nền kinh tế Việt Nam cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi và phát triển, chưa có dấu hiệu tăng trưởng mạnh.
- Thị trường xây dựng nói chung, bất động sản nói riêng và hoạt động đầu tư xây dựng vẫn còn nằm trong tình trạng chưa ổn định, nhu cầu còn thấp.
- Hoạt động đầu tư Dự án của Công ty đòi hỏi cần nguồn vốn tín dụng lớn giải ngân cho các dự án, tuy nhiên việc giải ngân vốn còn chậm, ảnh hưởng tới tiến độ đầu tư của Công ty.
- Thị trường chứng khoán nhiều biến động và chưa có dấu hiệu ổn định về chỉ số và khối lượng giao dịch, khiến việc huy động vốn qua việc phát hành cổ phần tăng vốn trở nên khó thực hiện được.

Chủ quan

- Công ty phải đối mặt với khủng hoảng và chịu các tác động của nó tới các hoạt động kinh doanh như hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam khác. Phải đối mặt với áp lực nguồn vốn đầu tư cho các dự án không ngừng tăng cao khi xảy ra lạm phát.
- Nền kinh tế Việt Nam suy giảm trong năm 2008, 2009. Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào như xăng dầu, xi măng, sắt thép,... biến động bất thường khiến cho các công ty trong nước gặp khó khăn về kế hoạch kinh doanh từ đó dẫn đến bị động trong việc thực hiện dự án đầu tư.

7. Vị thế của công ty trong cùng ngành

7.1. Phân tích SWOT cho NEDI2

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
- Công ty đã tập trung được nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tạo giá trị gia tăng bền vững cho bản thân công ty và khách hàng. - Công ty có hệ thống quản lý tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn. - Công ty có định hướng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn rõ ràng. Chiến lược đa dạng hóa sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty hứa hẹn đem tới bước phát triển về doanh thu và lợi nhuận - Dự án thủy điện Ngòi Phát có điều kiện thủy văn tốt, lượng mưa hàng năm đều, lưu lượng dòng chảy rất ổn định. Đây là một điều thuận lợi đối với nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Suất đầu tư của xây dựng nhà máy là rất cạnh tranh (1025 USD/1KW) so với các nhà máy thủy điện khác.	- Công ty là doanh nghiệp mới được thành lập, hoạt động tại các dự án vùng sâu vùng xa, còn nhiều khó khăn về năng lực tổ chức và tài chính. - Trong điều kiện thị trường ngành điện còn tồn tại tình trạng độc quyền về mua và bán điện, Công ty ít có khả năng tạo nên đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh.
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
- Thị trường ngành điện Việt Nam nhu cầu tiếp tục tăng nhanh hơn nguồn cung cấp trong những năm sắp tới. - Phát triển thủy điện nằm trong chiến lược ưu tiên phát triển nguồn phát điện của nước ta cho tới 2020. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện tiếp tục nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước. - Phát triển bất động sản tại thành phố Lào Cai nằm trong chiến lược phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Do đó, Công ty nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước. - Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 276/2006/QĐ/TTg phê duyệt lộ trình điều chỉnh giá bán điện giai đoạn 2007-2010 theo hướng tăng đảm bảo để các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện tính đúng tính đủ chi phí sản xuất.	- Trong giai đoạn sắp tới, khi nước ta bắt đầu hình thành thị trường mua bán điện cạnh tranh, Công ty phải nỗ lực để giảm giá thành sản xuất, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng. - Trong tương lai sẽ có những nguồn năng lượng mới cạnh tranh hoặc thay thế thủy năng để sản xuất ra điện năng (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử...). Tuy nhiên việc phát triển và tận dụng những nguồn năng lượng mới này ở nước ta sẽ đòi hỏi một thời gian tương đối dài.

7.2. Quy mô vốn của Công ty

Theo BCTC kiểm toán năm 2009, vốn điều lệ thực góp của Công ty là trên 132 tỷ đồng và theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010, sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ như đăng ký kinh doanh là 500 tỷ, NEDI2 có thể coi là một công ty có nguồn vốn lớn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng điện.

Với thế mạnh là một doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty VINACONEX, lãnh đạo công ty có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động, đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm, kỹ năng, trong thời gian tới, Công ty khẳng định sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh và tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Ngòi Phát và Khu đô thị Thương mại Thủy Hoa,..., mang lại lợi ích kinh tế xã hội to àn diện cho tỉnh Lào Cai và lợi ích cho toàn thể cổ đông của Công ty.

7.3. Định hướng phát triển của Công ty trong những năm tới

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển của nền kinh tế thị trường kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề, do vậy mỗi doanh nghiệp có những bước chuẩn bị thích nghi với sự vận động và biến đổi không ngừng của nền kinh tế thị trường. Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty định hướng phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng thương hiệu Công ty, văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ người lao động mang phong cách chuyên nghiệp và văn hoá hiện đại.
- Phát triển bền vững hoạt động của công ty với việc đầu tư thủy điện và kinh doanh bất động sản. Trước mắt ổn định và tiếp tục đầu tư 2 dự án lớn mà công ty làm chủ đầu tư (Thủy điện Ngòi Phát và KĐT Thủy Hoa). Liên danh với các đối tác có năng lực để thi công dự án và các công trình có giá trị lớn, công nghệ cao.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý để Hội đồng Quản trị thực hiện kiểm soát hoạt động của Ban giám đốc, kiểm tra việc đầu tư tài chính vào các công ty con thông qua hệ thống kiểm soát bằng các quy chế quản lý và hoạt động của hệ thống kiểm toán.
- Cơ cấu tổ chức: Hoạt động của Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đối với các dự án lớn Công ty sẽ góp vốn thành lập công ty con để thực hiện dự án này.
- Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng trong toàn công ty, hoàn thiện các quy trình cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh
- Tất cả để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Như vậy, lĩnh vực kinh doanh trong những năm tới của Công ty có rất nhiều triển vọng và hoàn toàn phù hợp với nền kinh tế thị trường.

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

- Trước đây tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế trong giai đoạn hội nhập và đặc biệt của ngành xây dựng nói riêng, Công ty đã có những định hướng nhất định nhằm nắm bắt cơ hội phát triển này.
- Công ty NEDI2 có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2010 nhằm nâng cao năng lực

đầu tư, kinh doanh, trong đó vẫn chú trọng vào lĩnh vực mũi nhọn là hai dự án lớn của Công ty.

- Ngay từ khi thành lập, Công ty NEDI2 đã rất chú trọng đến mảng đầu tư chính của Công ty là thủy điện Ngòi Phát và đó cũng chính là hướng đi đúng đắn nhất của Công ty hiện nay. Hiện tại, ngoài việc đầu tư hai dự án lớn trên, Công ty đang tiếp tục triển khai chuẩn bị đầu tư một số dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh phía bắc.
- Ngoài ra Công ty cũng không ngừng đầu tư vào công tác tuyển dụng, đào tạo nhằm nâng cao năng lực CBCNV, đầu tư nâng cao uy tín doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường.
- Do đó các định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay.

8. Chính sách đối với người lao động.

8.1. Tình hình nhân sự

Tổng số cán bộ, nhân viên của công ty đến thời điểm 31/12/2009 là 43 người, trong đó:

STT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
I	<u>Phân loại theo trình độ</u>		
1	Đại học và trên đại học	29	67,44%
2	Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp	6	13,95%
3	Lao động có tay nghề	5	11,63%
4	Lao động phổ thông	3	6,98%
II	<u>Phân loại theo Hợp đồng lao động</u>		
1	Hợp đồng dài hạn	9	20,93%
2	Hợp đồng xác định thời hạn	33	76,74%
3	Lao động thời vụ	1	2,33%
Tổng		43	100%

(Nguồn: Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2)

8.2. Chính sách đối với người lao động

NEDI 2 mong muốn thúc đẩy một môi trường làm việc mang tính hợp tác, chuyên nghiệp, trung thực. Các tiêu chí chủ yếu để tuyển chọn, sử dụng nhân sự là:

Tất cả các nhân viên sẽ được đối xử một cách công bằng và bình đẳng không phân biệt tuổi tác, hay nền tảng học vấn... Nhân viên được đánh giá, đề bạt, phân công nhiệm vụ và đãi ngộ dựa trên năng lực hiện tại, kỹ năng, tính hiệu quả và mức độ hoàn thành công việc của họ.

Tinh thần làm việc theo nhóm sẽ luôn luôn được đặt lên hàng đầu, những người năng động, tôi luyện qua thử thách, chấp nhận rủi ro.

Nhân viên phải luôn hướng tới sự chuyên nghiệp trong công việc.

Tuyển dụng

- Quy trình tuyển dụng của NEDI2 được xây dựng chặt chẽ và khoa học. Bên cạnh việc đăng tải thông tin tuyển dụng rộng rãi trên các phương tiện báo chí, website, qua các mối quan hệ, hợp tác kinh doanh. Nhờ vậy, NEDI2 có nhiều cơ hội tiếp cận và thu hút được đội ngũ nhân viên có trình độ cao, giàu kinh nghiệm.
- Trong thời gian ngắn hạn, NEDI2 tập trung tuyển dụng các ứng viên có kinh nghiệm

chuyên môn có khả năng đóng góp ngay vào hoạt động của Công ty.

- Trong dài hạn, tuyển dụng sẽ cân bằng giữa các nhân viên có kinh nghiệm, tay nghề, những người có thể đem lại các giá trị gia tăng cho đội ngũ nhân viên hiện tại, và các ứng viên có thành tích xuất sắc mới tốt nghiệp với sự ưu tiên dành cho những người được đào tạo tốt ở trong nước thông qua một chương trình tuyển dụng và đào tạo liên tục.

Đào tạo

- Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Hàng năm Công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV Công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu, công tác dự toán,...vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học Công ty chi trả 100%.
- Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được Công ty cân đối bố trí, Công ty sẽ hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo/khóa học.

Kế hoạch đào tạo bao gồm các yếu tố sau:

- **Đào tạo trong công việc:** Đào tạo ngay trong công việc với việc các nhân sự cao cấp hướng dẫn và dìu dắt nhân viên cấp dưới và giúp thúc đẩy tinh thần làm việc theo nhóm và một môi trường làm việc hợp tác.
- **Nỗ lực học tập nội tại của nhân viên:** nỗ lực tự đào tạo của các cá nhân bằng cách tự học hoặc tự đăng ký vào các chương trình đào tạo chuyên môn sẽ được khuyến khích. Công ty sẽ tài trợ chi phí cho một số chương trình đào tạo chuyên môn có chọn lọc và sau này sẽ đầu tư một thư viện chuyên môn để sử dụng nội bộ.

Chính sách đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ được xây dựng nhằm thúc đẩy hai giá trị quan trọng của doanh nghiệp, đó là tinh thần làm việc theo nhóm và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên một cách thích đáng. Chính sách đãi ngộ bao gồm:

- **Lương:** Quy chế tiền lương được phê duyệt bởi HĐQT hoàn toàn phù hợp với Luật lao động và được xây dựng trên cơ sở minh bạch, công bằng với mục tiêu khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động = Lương cơ bản + Lương kinh doanh + phụ cấp

Trong đó:

- Lương cơ bản được xác định dựa trên trình độ học vấn, chuyên ngành liên quan tới chuyên môn và kinh nghiệm làm việc thực tế.
 - Lương kinh doanh được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hàng tháng của Công ty và sự phấn đấu của mỗi người lao động, mức độ hoàn thành công việc, áp dụng những sáng tạo, công nghệ để thúc đẩy tiến độ thực hiện công việc được giao...
 - Phụ cấp bao gồm phụ cấp ăn trưa, phụ cấp công tác, phụ cấp xăng xe, phụ cấp điện thoại.
- **Thưởng:** Trong một năm cụ thể mà Công ty đạt được mức lợi nhuận hợp lý (có thể cân đối với số kế hoạch), mức thưởng sẽ chiếm một phần đáng kể trong tổng thu nhập cả năm của một nhân viên. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu.
 - **Kỷ luật:** Kỷ luật nghiêm minh là nhân tố quan trọng để đảm bảo hiệu quả hoạt động

của bộ máy. Việc kỷ luật lao động thực hiện bằng vật chất gắn với trách nhiệm cụ thể, áp dụng những biện pháp, quy định xử phạt nghiêm minh đối với những cán bộ công nhân viên vi phạm nội quy, kỷ luật lao động.

- **ESOP:** Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động với mục tiêu gắn bó người lao động với công ty. Chương trình ESOP sẽ được HĐQT và Đại hội cổ đông thông qua phương án cùng với phương án phát hành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- **Chính sách trợ cấp:** Lãnh đạo Công ty phối hợp với BCH Công đoàn Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV: Có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro...

9. Chính sách cổ tức

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Ngòi Phát và Dự án khu đô thị và thương mại Thủy Hoa (thời gian đầu tư từ năm 2007 – 2010). Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, Hoạt động kinh doanh chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Công ty chưa trả cổ tức cho cổ đông.

10. Tình hình hoạt động tài chính của NEDI 2

10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Doanh thu và Lợi nhuận

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc (NEDI2) hiện nay đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án thủy điện Ngòi Phát và dự án khu đô thị - thương mại Thủy Hoa. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, Hoạt động kinh doanh chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận.

Doanh thu của công ty thời gian này là doanh thu từ hoạt động tài chính, phát sinh từ nguồn tiền gửi ngân hàng, doanh thu hoạt động tài chính tại 31/12/2009: 1,225 tỷ đồng

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động của Công ty giai đoạn này chủ yếu là đầu tư xây dựng hai dự án dự án thủy điện Ngòi Phát và Dự án Khu Đô thị - Thương mại Thủy Hoa. Chi phí hoạt động của Công ty chủ yếu: Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Bảng cơ cấu chi phí theo khoản mục:

<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>				
STT	Chi phí	Năm 2008	Năm 2009	Quý 1/2010
1	Chi phí xây dựng dở dang	127.299	211.378	239.334
-	Thủy điện Ngòi Phát	112.608	196.393	224.037
-	Thủy điện Chu Linh - Cốc San	4.257	4.257	4.257
-	Thủy điện Sừ Pán	480	480	480
-	Thủy điện Tà Thàng	1.450	1.450	1.450
-	Khu đô thị Thủy Hoa	8.504	8.798	9.110
2	Chi phí tài chính	1.634	102	101
3	Chi phí quản lý DN	1.129	901	
Tổng cộng		130.062	212.381	239.435

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, BCTC quý 1/2010)

Trích khấu hao TSCĐ

Theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Công ty thực hiện việc khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian sử dụng.

Loại tài sản	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50
Máy móc thiết bị	5-15
Phương tiện vận tải	6-30
Vật dụng văn phòng	3-10
Tài sản cố định khác	4-25

Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động là 4.602.000 đồng/tháng trong năm 2008 và 8.424.000 đồng/tháng trong năm 2009. Nhìn chung, mức thu nhập của người lao động trong Công ty ở mặt bằng chung so với các doanh nghiệp trong cùng ngành xây dựng tại địa bàn Lào Cai có tính cạnh tranh tương đối cao.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện thanh toán tất cả các khoản nợ đúng thời hạn. Tính đến thời điểm 31/12/2009 và 31/03/2010, Công ty không phát sinh bất kỳ các khoản nợ quá hạn nào.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định tại Điều lệ tổ chức, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty sau khi kết thúc niên độ tài chính. Các quỹ trích lập gồm có: Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Sau khi kết thúc năm tài chính 2009, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Hội đồng quản trị công ty đã thông qua việc chưa trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ theo quy định sẽ được thực hiện sau khi hoạt động kinh doanh của công ty phát sinh doanh thu và lợi nhuận.

Tổng dư nợ vay

Chi tiết dư nợ vay (Vay ngắn hạn và dài hạn) của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
		Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn
I	Vay ngắn hạn						
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0	0	0	0	0	
II	Vay dài hạn	30.060		203.905		237.528	
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).	30.060	0	158.990	0	177.613	0
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).			44.915		59.915	
Tổng dư nợ vay		30.060	-	203.905	-	237.528	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, BCTC quý 1/2010)

Tình hình công nợ hiện nay**CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
		Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn
1	Phải thu khách hàng	3.004	0	3.448	0	2.794	0
2	Trả trước người bán	18.620	0	105.217	0	122.864	0
3	Các khoản phải thu khác	103	0	522	0	404	0
Tổng cộng		21.727		109.187		126.062	

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, BCTC quý 1/2010)

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
		Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn
I	Nợ ngắn hạn	27.645		9.871		21.097	
1	Vay ngắn hạn	0	0	0	0	0	0
2	Phải trả người bán	12.906	0	7.852	0	19.598	0
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	0	0	11	0	18	0
4	Phải trả người lao động	601	0	596	0	582	0
5	Chi phí phải trả	0	0	767	0	0	0
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.138	0	645	0	899	0
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0	0		0
II	Nợ dài hạn	30.060		203.905		237.528	
1	Vay nợ dài hạn	30.060	0	203.905	0	237.528	0
Tổng cộng		57.705		213.776		258.625	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, BCTC quý 1/2010)

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
I	<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>		
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (= Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	1,3	13,5
2	Khả năng thanh toán nhanh (= Tiền hiện có / Nợ ngắn hạn)	0,15	1,79
3	Khả năng thanh toán tổng quát (= Tổng TS / Nợ phải trả)	3,01	36,0
II	<u>Chỉ tiêu về cơ cấu tài chính</u>		
1	Hệ số Nợ (Nợ phải trả / Tổng tài sản)	0,33	0,60
2	Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	0,5	1,51

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009)

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 đang trong quá trình đầu tư nguồn vốn xây dựng 2 dự án (Công trình thủy điện Ngòi Phát và Khu đô thị Thương mại Thủy Hoa), thời gian đầu tư từ 2007 - 2010, nên chưa phát sinh Doanh thu và Lợi nhuận. Do vậy, chỉ tiêu về năng lực hoạt động và chỉ tiêu khả năng sinh lời chưa tính được.

11. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

11.1. Thành viên Hội đồng quản trị

TRỊNH HOÀNG DUY – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952
- Nơi sinh: Xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 012496032 cấp ngày 27/01/2002 nơi cấp Hà Nội.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 482 Phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: A46 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, tốt nghiệp đại học Sophia - Bungari
- Quá trình công tác:
 - 06/1976 - 03/1982: Giáo viên Trường Trung học Xây dựng số 1, Bộ Xây dựng
 - 04/1982 - 09/1988: Cán bộ - BQL lao động Việt Nam tại Bungari.
 - 10/1988 - 07/1991: Chuyên viên Tổng công ty Vinaconex.
 - 08/1991 - 04/1992: Quản đốc xưởng mộc Thanh Xuân - Tổng công ty Vinaconex.
 - 05/1992 - 06/1994: Phó giám đốc Công ty Liên doanh Vinagib - Tổng Công ty Vinaconex.
 - 07/1994 - 12/1995: Giám đốc văn phòng đại diện Vinaconex Hàn Quốc.
 - 01/1996 - 03/1996: Trưởng phòng kinh doanh Tổng Công ty Vinaconex.
 - 04/1996 - 12/1997: Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh Vinata, Đảng uỷ viên đảng bộ Tổng công ty Vinaconex.
 - 01/1998 - 09/1998: Giám đốc Ban chuẩn bị Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm hội nghị Quốc gia - Bộ Xây dựng.
 - 10/1998 - 12/1998: Trợ lý Tổng giám đốc Tổng công ty Vinaconex.
 - 01/1999 - 11/2006: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Vinaconex.
 - 12/2006 - đến nay: Ủy viên HĐQT Tổng công ty Cổ phần Vinaconex.
- Chức vụ công tác hiện nay tại NEDI 2: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 .
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 3.599.720 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty CP Xuất Nhập khẩu và xây dựng Việt Nam: 3.599.720 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm Vinavico
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan:
 - Em trai: Trịnh Hoàng Đức. Số cổ phần sở hữu: 16.000 cổ phần

NGUYỄN ĐỨC LƯU - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 19/08/1952
- Nơi sinh: Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 011037610 cấp ngày 28/03/2009 nơi cấp CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1808, nhà 18T2, Khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, TP Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: P1808, nhà 18T2, Khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - 09/1970 - 09/1977: Sinh viên Học viện Mỏ - Luyện kim Crakop – Ba Lan
 - 01/1978 - 01/1993: Chuyên viên Viện nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Mỏ Bộ Năng lượng.
 - 02/1993 - 02/1996: Đội trưởng công tác quản lý lao động của Vinaconex tại nhà máy sản xuất ống BTCT Sarir - Libya.
 - 03/1996 - 03/1998: Chuyên viên Phòng Kế hoạch đầu tư Tổng công ty Vinaconex.
 - 04/1998 - 09/2000: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư Tổng công ty Vinaconex.
 - 10/2000 - 4/2008: Trưởng phòng Đầu tư Tổng công ty Vinaconex
 - 4/2008 đến nay: Giám đốc Ban đầu tư Tổng công ty CP Vinaconex
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 1.530.168 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty CP Xuất Nhập khẩu và xây dựng Việt Nam: 1.530.168 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaconex số 6
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Cửa Đạt
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

TRƯƠNG CHÍ THÀNH - Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 17/2/1967
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 011266176 cấp ngày 16/6/2005 nơi cấp CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 14-16 Hàng Vôi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: 14-16 Hàng Vôi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Kỹ sư xây dựng - Trường ĐH Giao thông Vận tải
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - ĐH Universite Libre de Bruxelles
 - Cử nhân Anh văn - Trường Đại học ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - 1990 - 1992: Cán bộ Công ty Kim khí Hà Nội.
 - 1992 - 1993: Kỹ sư xây dựng, Văn phòng đại diện Công ty LUCKY SIX (Canada) tại Hà Nội.
 - 1993 - 1994: Kỹ sư xây dựng, Văn phòng đại diện Tập đoàn xây dựng KAJIMA (Nhật Bản) tại Hà Nội.
 - 1994 - 1995: Kỹ sư xây dựng, Công ty vật tư và xây dựng công trình giao thông (Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 8 - CIENCO 8)
 - 1995 - 2001: Điều phối viên, Văn phòng đại diện Tập đoàn xây dựng NISHIMATSU (Nhật Bản) tại Hà Nội
 - 2001 - 2003: Phó trưởng Ban chuẩn bị đầu tư các dự án thủy điện, Phó trưởng phòng Đầu tư Tổng công ty xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX.
 - 2003 - 2004: Phó Giám đốc Công ty CP TV và ĐT VINACONEX 36.
 - 2004 đến nay: Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 1.581.469 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 51.300 cổ phần.
 - Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty CP Xuất Nhập khẩu và xây dựng Việt Nam: 1.530.169 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

LÊ THỊ KIM KHUYÊN - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1963
- Nơi sinh: TX Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 011551703 cấp ngày 19/4/2007 nơi cấp CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 37, ngõ 45 Phan Đình Phùng, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: P 1506 nhà 249A Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân kinh tế
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 09/1986 – 12/1994: Chuyên viên Ngân hàng Đầu tư & Phát triển HN.
 - 01/1995 – 07/2000: Phó trưởng phòng, TP Sở giao dịch Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam.
 - 8/2000 – 07/2007: Phó giám đốc, Giám đốc Ngân hàng ĐT&PT Chi nhánh Bắc Hà Nội, Sở giao dịch.
 - 08/2007 - nay: Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
Ủy viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 2.180.000 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - Đại diện phần vốn góp của Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam: 2.180.000 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 1, Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không

PHAN HUY CHÍ - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 10/09/1975

- Nơi sinh: Quốc Oai – Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011897895 Ngày cấp: 06/07/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 168, Tổ 94, Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 168, Tổ 94, Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn: Luật kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 2000 - 2006: Chủ tịch HĐQT Công ty Tư vấn Anh
 - 2006 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán SME
- Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
- Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2
- Chức vụ công tác hiện nay tại NEDI2: Ủy viên HĐQT
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 700.000 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - Đại diện phần vốn góp của Công ty CP Chứng khoán SME: 700.000 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán SME
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan : Không

NGUYỄN THANH HOÀN – Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 26/1/1971
- Nơi sinh: Chí Linh – Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 012863498 cấp ngày 28/3/2006 nơi cấp CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14A ngõ 109 đường Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 14A ngõ 109 đường Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 2000 – 2003: Phó giám đốc Công ty CAVICO cầu hầm.
 - 2003 - nay: Tổng giám đốc CTCP xây dựng Công trình ngầm

Ủy viên HĐQT CTCP xây dựng Công trình ngầm

- Chức vụ công tác hiện nay tại NEDI2: Ủy viên HĐQT.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 285.600 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - Đại diện phần vốn góp của Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm: 285.600 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT CTCP xây dựng Công trình ngầm.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không

Thành viên Ban kiểm soát

ĐẶNG THANH HUẤN - Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 20/4/1964
- Nơi sinh: Tân Việt - Bình Giang - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 012758095 cấp ngày 28/01/2005 nơi cấp CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C12, tập thể Học viện Hành chính Quốc gia, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: C12, tập thể Học viện Hành chính Quốc gia, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Ngành Tài chính tín dụng
- Quá trình công tác:
 - 01/1984 - 06/1986: Học viên trường kỹ thuật thông tin quân sự
 - 06/1986 - 09/1989: Công tác tại Đặc khu Quảng Ninh và Quân khu 3 Bộ tham mưu.
 - 10/1989 - 06/1993: Sinh viên Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội
 - 07/1993 - 02/2002: Công ty kiểm toán Việt Nam - Bộ Tài chính
 - 03/2002 - 11/2006: Phó phòng Tài chính Kế hoạch Tổng công ty Vinaconex
 - 12/2006 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Vinaconex
- Chức vụ công tác hiện nay tại NEDI 2: Trưởng Ban kiểm soát.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 560.820 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.900 cổ phần.
 - Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty CP Xuất Nhập khẩu và xây dựng Việt Nam: 550.920 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 3
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 25.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

NGUYỄN THỊ THU HÀ - Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 02/7/1969
- Nơi sinh: TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 012500988 cấp ngày 17/12/2007 nơi cấp CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4 đường 158 Phố Lương Yên, p Bạch Đằng, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Nhà 16, ngách 46, ngõ 445 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân kinh tế
 - Cử nhân ngữ văn
- Quá trình công tác:
 - 1990 - 2000: Chuyên viên công tác BIDV Phú Thọ.
 - 2000 – 2/2001: Phó trưởng phòng phụ trách phòng TTQT BIDV Phú Thọ.
 - 3/2001 – 6/2002: Chuyên viên công tác tại BIDV Sở giao dịch.
 - 07/2002 – 8/2003: Phó TP, công tác tại SGD BIDV
 - 09/2003 - nay: TP kế hoạch – tổng hợp tại SGD BIDV
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 0 cổ phiếu
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: TP Kế hoạch – Tổng hợp Sở giao dịch Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không

HOÀNG TRỌNG THẠCH - Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 30/12/1979
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND: 145418894 cấp ngày 20/6/2006 nơi cấp CA Hưng Yên
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân, Kim Động, Hưng Yên
- Chỗ ở hiện tại: P.414 – C7A Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - 2003 – 2005: Trung tâm hợp tác lao động với nước ngoài – Tổng Công ty Thép Việt Nam;
 - 12/2005 – 02/2007: Văn phòng Luật sư Nguyễn Phan và Cộng sự; Công ty Cổ phần Tư vấn Anh;
 - 02/2007- 6/2008: Chuyên viên Pháp chế, Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SME;
 - 07/2008- nay: Trưởng Bộ phận Pháp chế, Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SME;
 - 5/2009 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2).
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 0 cổ phiếu
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

Ban giám đốc:

Giám đốc TRƯƠNG CHÍ THÀNH – xem mục Thành viên HĐQT

NGUYỄN HẢI ĐĂNG - Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 07/05/1973
- Nơi sinh: Viện Quân y 103
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 111152135 cấp ngày 21/09/2005 nơi cấp CA tỉnh Hà Tây.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 18/C5, khu tập thể Học viện quân y, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Nhà 18/C5, khu tập thể Học viện quân y, quận Hà Đông, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - 1996 - 2001: Nhân viên phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Sông Đà 6.
 - 2001 - 2002: Phó trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Sông Đà 6
 - 2002 - 2003: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Sông Đà 6.
 - 2003 - 2004: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện (Tổng công ty Vinaconex).
 - 7/2004 – 7/2007: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch. Chủ tịch công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2.
 - 7/2007 đến nay: Phó giám đốc Công ty, Chủ tịch công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
- Chức vụ công tác hiện nay tại NEDI 2: Phó Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 23.000 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 23.000 cổ phiếu.
 - Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

NGUYỄN TRUNG HẢI – Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1959
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.

- Số CMND: 010250072 cấp ngày 22/08/2006 nơi cấp CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 99 tổ 27 phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Số 99 tổ 27 phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo (ĐH cơ điện Thái Nguyên)
- Quá trình công tác:
 - 1982 - 1983: Kỹ thuật trưởng cơ khí, Công ty xây dựng thuỷ công (Tổng công ty Sông Đà)
 - 1984 - 1985: Quản đốc xưởng cơ khí, Công ty xây dựng thuỷ công
 - 1985 - 1989: Phó trưởng phòng quản lý cơ giới, phó tổng đội bơm bê tông Nhật Công ty xây dựng thuỷ công
 - 1990 - 1991: Kỹ sư trưởng nhà máy nghiền sàng tại công trình Badushdamp, Cộng hoà Irap.
 - 1991 - 1993: Trưởng ban quản lý vật tư thiết bị công ty xây dựng Vinaconex 3.
 - 2003 - 2006: Phó trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2.
 - 03/2006 - 7/2007: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2.
 - 7/2007 - 7/2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2, Giám đốc BQL dự án thủy điện Ngòi Phát.
 - 8/2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2.
- Chức vụ công tác hiện nay tại NEDI 2: Phó Giám đốc Công ty.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 0 cổ phiếu
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

Kế toán trưởng

LƯU CHẤN HƯNG – Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 11/8/1963
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 112557669 cấp ngày 10/12/2002 nơi cấp CA Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 37A ngõ Quỳnh, phường Thanh Nhàn, quận

Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 37A ngõ Quỳnh, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 11/1987 – 12/1989: Kế toán viên, Trạm vật tư vận tải, Sở giao thông vận tải Hà Nội.
 - 1/1990 - 8/1992: Kế toán tổng hợp, từ tháng 10/1991 là kế toán trưởng xí nghiệp xây lắp 8, thuộc Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn.
 - 9/1992 - 3/1996: Kế toán tổng hợp, công ty xây lắp và vật tư xây dựng 5, Tổng công ty XD NN và PTNT.
 - 3/1996 - 7/1997: Kế toán trưởng khách sạn Bảo Sơn.
 - 8/1997 – 12/1998: Phó kế toán trưởng, công ty xây dựng và chuyển giao kỹ thuật, Tổng công ty XDNN và PTNT
 - 12/1998 - 10/1999: Phó phòng kế toán, công ty đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội - Hacinco
 - 10/1999 - 12/2000: Kế toán trưởng công ty CP Hacinco
 - 01/2001 - 03/2003: Trưởng phòng kế toán Công ty xây dựng và lắp máy điện nước 3, TCT COMA
 - 04/2003 - 12/2003: Phụ trách kế toán BQL DA xi măng Cẩm Phả, TCT Vinaconex
 - 01/2004 - 09/2006: Kế toán trưởng Công ty CP ĐT và PT điện Miền Bắc 3.
 - 10/2006 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP ĐT và PT điện Miền Bắc 2, TCT Vinaconex.
- Chức vụ công tác hiện nay tại NEDI 2: Kế toán trưởng.
- Số cổ phần nắm giữ (đến 20/05/2010): 25.700 cổ phiếu
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 25.700 cổ phần.
 - Số cổ phần sở hữu đại diện: Không
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của NEDI 2 tại thời điểm 31/12/2009.

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	% Giá trị CL / NG
I	TSCĐ Hữu hình	1.862.504	1.712.577	149.927	8,05%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	0	0	0	
2	Máy móc thiết bị	296.757	286.688	10.069	3,39%
3	Phương tiện vận tải	1.200.889	1.193.214	7.676	0,64%
4	Thiết bị, DC quản lý	364.857	232.675	132.182	36,23%
5	TSCĐ khác	0	0	0	
II	TSCĐ Vô hình	10.090	10.090	0	
1	HT chất lượng ISO	0	0	0	
2	Phần mềm dự toán	10.090	10.090	0	
3	Quyền sử dụng đất	0	0	0	
4	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	
TỔNG		1.872.594	1.722.667	149.927	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009)

Giá trị tài sản tính đến ngày 31/03/2010

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	% Giá trị CL / NG
I	TSCĐ Hữu hình	1.862.504	1.727.568	134.936	7,24%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	0	0	0	
2	Máy móc thiết bị	296.757	287.209	9.548	3,22%
3	Phương tiện vận tải	1.200.889	1.193.762	7.128	0,59%
4	Thiết bị, DC quản lý	364.857	246.597	118.260	32,41%
5	TSCĐ khác	0	0	0	
II	TSCĐ Vô hình	10.090	10.090	0	
1	HT chất lượng ISO	0	0	0	
2	Phần mềm dự toán	10.090	10.090	0	
3	Quyền sử dụng đất	0	0	0	
4	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	
TỔNG		1.872.594	1.737.658	134.936	

(Nguồn: BCTC quý 1/2010)

13. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức**13.1. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2010**

Đơn vị tính: triệu đồng

Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2009	Năm 2010	
		Kế hoạch	% +/-
Vốn điều lệ	132.006	500.000	278,7%
Vốn chủ sở hữu	141.545	510.642	260,7%
Doanh thu thuần	0	70.725	100%
Lợi nhuận sau thuế	0	(3.222)	-
Cổ tức (%)	0%	0%	0%
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0	-	-
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0	-	-

(Nguồn: NED12)

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 ngày 17/04/2010 đã thông qua Phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ từ 132,006 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, nội dung cụ thể như sau:

- Chào bán cho cổ đông lớn hiện hữu của Công ty:
 - Cổ đông Tổng Công ty Vinaconex: 18.289.022 cổ phần
 - Cổ đông Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 2.820.000 cổ phần
 - Cổ đông CTCP xây dựng công trình ngầm: 1.342.900 cổ phần
 - Cổ đông CTCP Vimeco: 501.300 cổ phần
- Chào bán cho đối tác chiến lược: 13.846.150 cổ phần

Năm 2009: Hoạt động của Nedi2 đang trong giai đoạn đầu tư dự án Thủy điện Ngòi Phát và Khu đô thị Thương mại Thủy Hoa, chưa có doanh thu và lợi nhuận.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty là đầu tư và hoàn thiện giai đoạn 1 của dự án Thủy điện Ngòi Phát và đưa vào hoạt động cuối năm 2010 với chỉ tiêu về doanh thu là 70,7 tỷ và Lợi nhuận dự kiến lỗ 3,22 tỷ đồng.

Dự kiến kế hoạch đầu tư dự án của Công ty năm 2010.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Tốc độ tăng trưởng
I	Kế hoạch SXKD (A+B+C)	168.820	363.311	115,2%
A	Kế hoạch đầu tư	161.641	349.733	116,4%
	Thủy điện Ngòi Phát	160.961	329.653	104,8%
	Khu đô thị TM Thủy Hoa	680	20.080	195,1%
B	Kế hoạch tiền lương	4.246	8.774	106,6%
C	Kế hoạch chi phí quản lý (ngoài lương)	2.933	4.804	63,8%
D	Nhân sự	43	50	16,3%

(Nguồn: NEDI2)

Tốc độ tăng trưởng đầu tư của năm 2010 (kế hoạch) dự kiến sẽ tăng 116,4% so với thực hiện năm 2009. Một số thuận lợi và khó khăn của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010:

Thuận lợi:

- Kết thúc năm 2009, Việt Nam đã hoàn thành hai mục tiêu khó khăn là chống suy giảm kinh tế và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững; đồng thời chủ động phòng ngừa lạm phát cao trở lại. Đó là thắng lợi được Quốc tế công nhận.
- Tình hình đầu tư trong nước được khơi thông, cùng với các giải pháp kích thích kinh tế phát triển của Chính phủ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước.
- Sự hồi phục của ngành xây dựng trong năm 2009 phần lớn dựa trên những yếu tố có tính ổn định nên sẽ tiếp tục tạo đà cho phát triển kinh tế năm 2010.

Khó khăn:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy đã tăng, vượt qua giai đoạn suy giảm, nhưng tăng trưởng kinh tế chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng khối lượng các nguồn lực, nhất là tăng nguồn vốn đầu tư, chưa dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội và nâng cao hiệu quả nên tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng chưa cao.
- Năm 2010 là năm ngành Ngân hàng còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, khi chênh lệch lãi suất huy động và cho vay ngày càng thu hẹp và vốn huy động về ngày càng khó khăn. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ lãi suất ngắn hạn đã hết, điều này ảnh hưởng đến khả năng vay vốn và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Mặt bằng giá xây dựng bắt đầu có xu hướng tăng từ tháng 3/2010, giá vật tư, vật liệu xây dựng tăng liên tục (đặc biệt là sắt thép và xăng dầu, điện...) điều này gây khó khăn trực tiếp đến hoạt động sản xuất của các nhà thầu, làm chi phí đầu tư xây dựng tăng cao và ảnh hưởng hiệu quả đầu tư.

13.2. Mục tiêu và nhiệm vụ chính của công ty trong năm 2010**A. Dự án Thủy điện Ngòi Phát****Đập đầu mối**

Hoàn thành mục tiêu chống lũ năm 2010, đảm bảo an toàn cho công trình, cụ thể:

- ✓ Công tác thi công đất đá:

- + Hoàn thành đổ bê tông cống dẫn dòng, thi công đê quây thượng lưu đến cao trình 423m, hạ lưu đến cao trình 415m, đã kết thúc trong tháng 2/2010.
- + Hoàn thiện công tác đào đất đá hố móng đập kết thúc trước 10/4/2010
- + Hoàn thiện công tác đào đất đá hố móng vai trái đập từ cao trình 441m xuống cao trình 423m kết thúc tháng 10/2010
- + Hoàn thiện công tác đào đất đá máng tràn bên từ cao trình 441m xuống cao trình 423m kết thúc tháng 10/2010 đạt 78.700m³.
- ✓ Công tác thi công bê tông
 - + Đổ bê tông bản đáy đập đầu mối bắt đầu từ ngày 25/3/2010, kết thúc 01/04/2010, khối lượng đạt 700m³.
 - + Khoan phun chống thấm và gia cố nền đập bắt đầu từ ngày 29/03/2010 kết thúc ngày 18/4/2010.
 - + Đổ bê tông đập đầu mối đến ngưỡng tràn cao trình 418m và bê tông trụ pin đến cao trình 422,5m bắt đầu ngày 3/4/2010 kết thúc ngày 22/5/2010, khối lượng đạt 9.370m³.
 - + Đổ bê tông trụ pin từ cao trình 422,5m đến cao trình 441m kết thúc tháng 12/2010
 - + Đổ bê tông máng tràn bên khối lượng đến tháng 12/2010 đạt: 850m³/2470m³

Hầm dẫn nước

- Kết thúc toàn bộ công tác đào và gia cố hầm dẫn nước;
- Đổ bê tông hoàn thiện vỏ áo hầm kết thúc vào 03/2011.
- Kết thúc công tác thi công hầm áp lực, tháp điều áp, đổ bê tông vỏ áo hầm, bê tông tháp điều áp kết thúc tháng 02/2011.

Nhà máy

- Thi công bê tông nhà máy bắt đầu tháng 4/2010 kết thúc vào tháng 6/2011 khối lượng bê tông đạt: 6750m³. trong đó:
 - + Đổ bê tông bản đáy nhà máy từ cao trình 94.2 đến cao trình 95.5 bắt đầu từ tháng 5/2010.
 - + Lắp đặt ống hút và thi công bê tông từ cao trình 95.5 đến cao trình 98.0 bắt đầu từ tháng 6/2010 đến tháng 8/2010.
 - + Lắp đặt buồng xoắn và thi công bê tông từ cao trình 98.0 đến cao trình 111.5 bắt đầu từ tháng 9/2010 đến tháng 03/2011.
 - + Lắp đặt bánh xe công tác, van cầu trước tua bin và thi công bê tông từ cao trình 111.5 đến cao trình mái 128.0 bắt đầu từ tháng 4/2011 kết thúc tháng 6/2011.
- Nhập khẩu thiết bị và lắp đặt các hệ thống phụ (khí nén, cơ sở dầu, cấp thoát nước, thông gió...vv) bắt đầu tháng 7/2010 kết thúc tháng 6/2011.
- Thực hiện nhập khẩu thiết bị, lắp đặt hoàn thành:
 - + Tổ máy số 1 bắt đầu 10/2010, kết thúc tháng 3/2011.
 - + Tổ máy số 2 bắt đầu 02/2011, kết thúc tháng 6/2011.
 - + Tổ máy số 3 bắt đầu 03/2011, kết thúc tháng 7/2011.
- Hiệu chỉnh đồng bộ và chuyển giao công nghệ bắt đầu tháng 8/2011 kết thúc tháng 11/2011.

Đường dây 110 kV.

Hoàn thành thi công đường điện 110kV mạch kép dài 15,4 km từ Trạm cắt Lào Cai 2 đến điểm rẽ nhánh vào nhà máy thủy điện Ngòi Phát và 4km đường điện 110kV mạch đơn từ điểm rẽ nhánh vào nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

Các công tác khác

- Hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng;
- Tập trung thực hiện tốt công tác giải ngân vốn tín dụng đầu tư Nhà nước, vốn vay thương mại từ các tổ chức tín dụng đã ký hợp đồng với Chủ đầu tư, bảo đảm tiến độ giải ngân như đã cam kết, đây là nhiệm vụ rất quan trọng trong bối cảnh thị trường tài chính, tín dụng năm 2010 còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức.
- Thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý trên công trường, điều phối tiến độ chung giữa các Nhà thầu, giữa các công tác giải phóng mặt bằng, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và thi công xây dựng, chế tạo và lắp đặt thiết bị; chỉ đạo và tháo gỡ kịp thời phát sinh trong quá trình thi công: giải quyết các phát sinh về thiết kế, dự toán..., đảm bảo công trình thi công liên tục.
- Đôn đốc nhà thầu tư vấn thiết kế cung cấp đầy đủ và kịp thời bản vẽ thi công, bản vẽ chế tạo và dự toán chi tiết các hạng mục công trình đáp ứng yêu cầu về tiến độ thi công trên công trường và tiến độ thi công được phê duyệt.

B. Dự án khu đô thị - thương mại Thủy Hoa

- Nghiên cứu, tìm hiểu các cơ chế chính sách ưu đãi của Nhà nước về đầu tư và nguồn vốn áp dụng đối với Khu kinh tế cửa khẩu, từ đó khẩn trương xúc tiến công tác thu xếp tín dụng cho dự án Thủy Hoa;
- Triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thực hiện đầu tư giai đoạn 1 của dự án (thiết kế và thi công xây dựng khu nhà chia lô, khu nhà biệt thự và khu nhà thương mại 05 tầng), đồng thời triển khai thiết kế kỹ thuật cho giai đoạn 2 dự án.

C. Các công việc khác

- Đôn đốc đơn vị tư vấn hoàn thành phê chuẩn ở LHQ việc đăng ký dự án thủy điện Ngòi Phát thành dự án phát triển sạch (CDM) trong quý II/2010;
- Hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM). Tiếp tục nỗ lực tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược đặc biệt là các Tập đoàn kinh tế có đủ năng lực về tài chính, công nghệ, kinh nghiệm quản lý để trở thành cổ đông lớn của Công ty; thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với tổng khối lượng phát hành chào bán 13,8 triệu cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua;
- Đối với các cổ đông lớn của công ty (Vinaconex, BIDV, Vimeco,...): đôn đốc thực hiện đầy đủ kế hoạch góp vốn theo lộ trình đã được HĐQT công ty NEDI 2 thông qua, đảm bảo mức vốn đối ứng tối thiểu theo yêu cầu của các Ngân hàng tài trợ vốn;
- Tiếp tục tìm kiếm các dự án thủy điện vừa và nhỏ ở khu vực phía Bắc, các dự án đầu tư bất động sản có tiềm năng để nghiên cứu cơ hội và thực hiện đầu tư;
- Duy trì tốt và ổn định hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 và hệ thống quản lý văn phòng điện tử eOffice trong công ty, từng bước và hoàn thiện xây dựng thương hiệu và phát triển văn hóa doanh nghiệp, quan tâm tới đời sống cho CBCNV, tham gia hưởng ứng các công tác từ thiện xã hội, các hoạt động đoàn thể, quần chúng, gắn liền phát triển của công ty với lợi ích của mọi thành viên trong công ty.
- Quan tâm chú trọng phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo cán bộ quản lý về quản trị doanh nghiệp, ngoại ngữ.

13.3. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của dự án đầu tư

STT	Các chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Năm thứ 8	Năm thứ 9	Năm thứ 10	Năm thứ 11	Năm thứ 12	Năm thứ 13	Năm thứ 14	Năm thứ 15
1	Doanh thu	218.75	223.65	221.15	209.59	210.55	211.25	211.99	212.81	213.65	214.55	215.52	216.55	217.67	218.849	220.116
	Ngòi Phát	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75	200.75
	Thủy Hoa	18	22.9	20.4	8.84	9.8	10.5	11.24	12.06	12.9	13.8	14.77	15.8	16.92	18.099	19.366
2	Chi phí															
a	Dự án Thủy điện Ngòi Phát	211.49	200.1	188.7	177.3	165.91	154.51	143.12	131.72	120.32	108.93	53.63	53.63	53.63	53.63	53.63
	Thuế tài nguyên	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01	4.01
	Chi phí vận hành	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83
	Khấu hao công trình	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79	43.79
	Khấu hao thiết bị	43.9	43.9	43.9	43.9	43.9	43.9	43.9	43.9	43.9	43.9					
	Trả lãi vay	113.96	102.57	91.17	79.77	68.38	56.98	45.59	34.19	22.79	11.4					
	<u>Trả gốc, trong đó:</u>															
	- Trả phần vay NHTM	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587	26.587
	- Trả phần vay NHPT (VDB)	40.143	40.143	40.143	40.143	40.143	40.143	40.143	40.143	40.143	40.143					
b	Dự án đô thị TM Thủy Hoa	9.6	9.53	9	8.289	7.7	7.2	6.61	6.01	5.466	4.908	5.057	5.228	5.409	5.598	5.79
	Chi phí SXKD	3.2	3.7	3.9	4.029	4.2	4.3	4.4	4.5	4.64	4.77	4.91	5.07	5.24	5.418	5.6
	Thuế, phí các loại	0.2	0.23	0.2	0.08	0.1	0.1	0.11	0.12	0.13	0.138	0.147	0.158	0.169	0.18	0.19

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2

STT	Các chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Năm thứ 8	Năm thứ 9	Năm thứ 10	Năm thứ 11	Năm thứ 12	Năm thứ 13	Năm thứ 14	Năm thứ 15
	Trả lãi	6.2	5.6	4.9	4.18	3.4	2.8	2.1	1.39	0.696						
3	Lợi nhuận trước thuế	-2.34	14.02	23.45	24.001	36.94	49.54	62.26	75.08	87.864	100.712	156.833	157.692	158.631	159.621	160.696
	Ngòi Phát	-10.74	0.65	12.05	23.45	34.84	46.24	57.63	69.03	80.43	91.82	147.12	147.12	147.12	147.12	147.12
	Thủy Hoa	8.4	13.37	11.4	0.551	2.1	3.3	4.63	6.05	7.434	8.892	9.713	10.572	11.511	12.501	13.576
4	Thuế TNDN	0	0.000	1.140	0.055	0.210	2.642	3.345	4.057	5.508	6.369	10.076	10.316	17.935	18.212	18.513
	Ngòi Phát						2.312	2.8815	3.4515	4.0215	4.591	7.356	7.356	14.712	14.712	14.712
	Thủy Hoa			1.14	0.0551	0.21	0.33	0.463	0.605	1.4868	1.7784	2.71964	2.96016	3.22308	3.50028	3.80128
5	Lợi nhuận ròng	-2.34	14.02	22.310	23.946	36.730	46.898	58.916	71.024	82.356	94.343	146.757	147.376	140.696	141.409	142.183
	Ngòi Phát	-10.74	0.65	12.05	23.45	34.84	43.928	54.7485	65.5785	76.4085	87.229	139.764	139.764	132.408	132.408	132.408
	Thủy Hoa	8.4	13.37	10.26	0.4959	1.89	2.97	4.167	5.445	5.9472	7.1136	6.99336	7.61184	8.28792	9.00072	9.77472
6	Tỉ lệ TN ròng/D.Thu	-1.07	6.27	10.09	11.43	17.44	22.20	27.79	33.37	38.55	43.97	68.09	68.06	64.64	64.61	64.59
	Ngòi Phát	-5.3	0.3	6.0	11.7	17.4	21.9	27.3	32.7	38.1	43.5	69.6	69.6	66.0	66.0	66.0
	Thủy Hoa	46.7	58.4	50.3	5.6	19.3	28.3	37.1	45.1	46.1	51.5	47.3	48.2	49.0	49.7	50.5
7	Vốn điều lệ	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500
	Ngòi Phát	470	470	470	470	470	470	470	470	470	470	470	470	470	470	470
	Thủy Hoa	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
8	LN ròng/vốn ĐL (%)	-0.62	3.69	5.87	6.30	9.67	12.34	15.50	18.69	21.67	24.83	38.62	38.78	37.03	37.21	37.42
9	Tỉ lệ cổ tức (%)	-0.62	3.69	5.87	6.30	9.67	12.34	15.50	18.69	21.67	24.83	38.62	38.78	37.03	37.21	37.42

13.4. Nhận định của đơn vị tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự án đầu tư NEDI2

- Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán SME đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Trong những năm tới, tốc độ tăng trưởng nhu cầu sử dụng điện năng cả nước tiếp tục tăng trưởng nhanh hơn so với tốc độ phát triển của các nguồn phát điện. Các dự án thủy điện, nhất là các công trình có lợi ích tổng hợp (cấp nước, chống lũ, chống hạn) tiếp tục được ưu tiên xây dựng và nhận được nhiều hỗ trợ, ưu đãi từ phía Chính phủ. Là một dự án quan trọng của tỉnh Lào Cai, dự án thủy điện Ngòi Phat đang được hưởng nhiều ưu đãi trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi thuế tài nguyên,
- Với tầm nhìn chiến lược và những bước đi hợp lý, Công ty có khả năng tạo được một triển vọng kinh doanh và lợi nhuận hứa hẹn trong thời gian tới. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong thời gian tới là có cơ sở và mang tính khả thi.
- Mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá chứng khoán

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 13.200.627 cổ phần

Tổng giá trị đăng ký giao dịch: 132.006.270.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ, không trăm linh sáu triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

4. Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng

Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11, cổ đông sáng lập của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần đang sở hữu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được đăng ký kinh doanh lần đầu. NEDI 2 được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 06/05/2004. Như vậy, thời gian hạn chế đối với cổ đông sáng lập đã hết, toàn bộ cổ phần của cổ đông sáng lập là cổ phần phổ thông, được tự do chuyển nhượng.

Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Theo quyết định số 108/2008/QĐ-BTC ngày 20/11/2008 của Bộ tài chính về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chưa quy định về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.

5. Phương pháp tính giá cổ phiếu

Phương pháp tính giá áp dụng: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách} \\ \text{một cổ phần} \end{array} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu – Số cổ phiếu quỹ}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm 31/03/2010:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách} \\ \text{một cổ phần} \end{array} = \frac{141.545.674.462}{13.200.627} = 10.722 \text{ đồng / CP}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào TTCK Việt Nam. Quyết định 55/2009/QĐ-TTg quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên TTCK Việt

Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên SGDCK. Hiện tại, công ty không có cổ đông nước ngoài.

7. Các loại thuế có liên quan

- Nhà đầu tư tổ chức thực hiện nộp thuế thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội nước CH XHCN Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 03/06/2008.
- Nhà đầu tư chứng khoán cá nhân thực hiện nộp thuế thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn theo Luật thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12 do Quốc hội nước CH XHCN Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 hiện tại đang thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước thông qua các loại thuế sau:

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các mặt hàng, dịch vụ của Công ty là 10%.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Tổ chức Kiểm toán: CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

- Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Sông Đà, 165 đường Cầu Giấy, Hà Nội
- Tel: (84-4) 6267 0491
- Fax: (84-4) 6267 0494
- Email: vae_co@viettel.com.vn

Tổ chức Tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SME (SMES)

- Địa chỉ: Số 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (84-4) 2220 5678
- Fax: (84-4) 2220 5680
- Website: www.smes.vn

VII. CÁC PHỤ LỤC (Đính kèm)

1. Giấy đăng ký giao dịch cổ phiếu
2. Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động, Mã số thuế.
3. Điều lệ công ty.
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009; Báo cáo tài chính quý 1/2010.
5. Các tài liệu pháp lý khác liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch
6. Phụ lục khác (nếu có).

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2010

**CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HĐQT

TRƯƠNG CHÍ THÀNH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRỊNH HOÀNG DUY
KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẶNG THANH HUẤN

LƯU CHẤN HƯNG